

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI



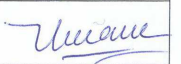
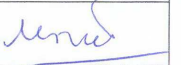
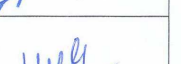
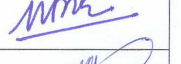
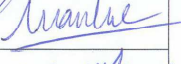
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục
trường Cao đẳng)

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 212/QĐ-CKĐ ngày 07 tháng 05 năm 2010

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Châu Thành	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Việt Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Phan Thành Nguyên	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Võ Duy Nhân	Phó Trưởng Phòng Đào tạo	Thư ký HĐ	
5	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng Phòng Tổ chức-Hành chính	Ủy viên HĐ	
6	Nguyễn Văn Tỳ	Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán	Ủy viên HĐ	
7	Vũ Văn Hòa	Trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên HĐ	
8	Phạm Cao Khanh	Trưởng Phòng Công tác Chính trị, Chủ tịch Công Đoàn Trường	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn Ngọc Tổng	Trưởng Phòng Quản lý Thiết bị	Ủy viên HĐ	
10	Nguyễn Hữu Phòng	Trưởng Phòng Đầu tư & Xây dựng	Ủy viên HĐ	
11	Lê Phú Hào	Trưởng Phòng Quản lý KH & HTQT	Ủy viên HĐ	
12	Nguyễn Tuấn Hải	Giám đốc Trung tâm Thông tin & KĐCL	Ủy viên HĐ	
13	Lê Văn Thành	Giám đốc Trung tâm Tư vấn & HTHS-SV	Ủy viên HĐ	
14	Nguyễn Văn Tiến	Trưởng Khoa Thương mại Quốc tế	Ủy viên HĐ	
15	Trần Văn Thọ	Trưởng Khoa Quản trị Kinh doanh	Ủy viên HĐ	
16	Phạm Xuân Thành	Trưởng Khoa Tài chính-Kế toán	Ủy viên HĐ	
17	Lê Văn Triệu	Trưởng Khoa Tại chức	Ủy viên HĐ	
18	Nguyễn Huy Viễn	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Ủy viên HĐ	

MỤC LỤC

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG CAO ĐẲNG	6
I. Thông tin chung của nhà trường	6
II. Giới thiệu khái quát về Nhà trường	6
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường	12
IV. Người học	17
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	25
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	30
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	31
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG.....	33
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	33
II. TỔNG QUAN CHUNG	34
III. TỰ ĐÁNH GIÁ	42
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng.....	42
Tiêu chí 1.1	43
Tiêu chí 1.2	44
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	47
Tiêu chí 2.1	47
Tiêu chí 2.2	49
Tiêu chí 2.3	50
Tiêu chí 2.4	52
Tiêu chí 2.5	54
Tiêu chí 2.6	55
Tiêu chí 2.7	57
Tiêu chí 2.8	58
Tiêu chí 2.9	60
Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục	62

Tiêu chí 3.1	63
Tiêu chí 3.2	65
Tiêu chí 3.3	67
Tiêu chí 3.4	68
Tiêu chí 3.5	71
Tiêu chí 3.6	72
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	74
Tiêu chí 4.1	75
Tiêu chí 4.2	77
Tiêu chí 4.3	78
Tiêu chí 4.4	80
Tiêu chí 4.5	81
Tiêu chí 4.6	82
Tiêu chí 4.7	84
Tiêu chí 4.8	86
Tiêu chí 4.9	87
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.....	88
Tiêu chí 5.1	89
Tiêu chí 5.2	91
Tiêu chí 5.3	93
Tiêu chí 5.4	94
Tiêu chí 5.5	95
Tiêu chí 5.6	96
Tiêu chí 5.7	97
Tiêu chuẩn 6: Người học.....	99
Tiêu chí 6.1	100
Tiêu chí 6.2	101
Tiêu chí 6.3	104
Tiêu chí 6.4	105

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	108
Tiêu chí 7.1	108
Tiêu chí 7.2	110
Tiêu chí 7.3	112
Tiêu chí 7.4	113
Tiêu chí 7.5	114
Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác..	116
Tiêu chí 8.1	116
Tiêu chí 8.2	118
Tiêu chí 8.3	119
Tiêu chí 8.4	121
Tiêu chí 8.5	122
Tiêu chí 8.6	123
Tiêu chí 8.7	124
Tiêu chí 8.8	125
Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính	127
Tiêu chí 9.1	127
Tiêu chí 9.2	129
Tiêu chí 9.3	131
Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội.....	132
Tiêu chí 10.1	132
Tiêu chí 10.2	134
IV. KẾT LUẬN	135

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: CKĐ	
Tên trường: Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại	
Khối ngành: Kinh tế	
Ngày tự đánh giá: 01/10/2010	

Các mức đánh giá:

Đ: Đạt	C: Chưa đạt	KĐG: Không đánh giá
---------------	--------------------	----------------------------

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
2.1	Đ		
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
2.8	Đ		
2.9	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
4.1	Đ		
4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
4.8	Đ		
4.9	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		

Tiêu chuẩn 6: Người học			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4	Đ		
7.5	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
8.1	Đ		
8.2	Đ		
8.3	Đ		
8.4	Đ		
8.5	Đ		
8.6	Đ		
8.7	Đ		
8.8	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội			
10.1	Đ		
10.2	Đ		

Tổng hợp:

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	55/55		
Tỷ lệ %	100		

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 31/12/2012

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường:

- Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Kinh tế Đối Ngoại.
- Tiếng Anh: College of Foreign Economic Relations.

2. Tên viết tắt của trường:

- Tiếng Việt: CKĐ
- Tiếng Anh: Cofer.

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương

5. Địa chỉ trường: 287 Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin liên hệ:

- + Điện thoại: 84.8.38.459.971
- + Số fax: 84.8.38.421.106
- + Email: cofer@ktdn.edu.vn
- + Website: www.ktdn.edu.vn

7. Năm thành lập trường: 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/1997

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 08/10/2000

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường:

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường:
nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số khoa, ngành, quan hệ hợp tác,

thành tích nổi bật.

Trường là Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng Cán bộ bậc Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và nghề, nghiên cứu và thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong ngành Thương mại và xã hội, góp phần phát triển kinh tế xã hội và sự nghiệp giáo dục đào tạo của quốc gia.

Trường thực hiện hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, tổ chức hội thảo khoa học, thực hiện tư vấn, dịch vụ Thương mại cho các tổ chức kinh tế xã hội.

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại được nâng cấp từ Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương, là Trường được hợp nhất từ các trường qua những giai đoạn:

Tháng 04/1977: Trường Trung học Ngoại thương được thành lập sau được đổi tên thành Trường Kinh tế Đối ngoại.

Tháng 11/1990: Trường Trung học Thương mại Trung ương III được hình thành trên cơ sở hợp nhất các trường: Trung học Thương nghiệp Cần Thơ, Trung học Thương nghiệp Thủ Đức và Trung học Vật tư II.

Tháng 12/1995: Trường Trung học Thương mại Trung ương III hợp nhất với trường Kinh tế Đối ngoại thành Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương.

Tháng 01/1997: Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương được nâng cấp lên Cao đẳng với tên là Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

- Trụ sở đơn vị: 287 Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra Trường còn có 03 cơ sở khác ở Thành phố Hồ Chí Minh và 01 cơ sở đóng tại 8A Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

- Tổ chức bộ máy của Trường :

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 262, trong đó giáo viên: 152.

+ Có 07 phòng chức năng, 04 Khoa, 03 Bộ môn, 04 Trung tâm và Cơ sở Cần Thơ.

- Đảng bộ Trường có 7 Chi bộ, 105 Đảng viên, Công đoàn cơ sở có 252 Đoàn viên, Đoàn thanh niên Cộng sản Trường có 2.100 Đoàn viên đang sinh hoạt.

- Kinh phí hoạt động: Bộ Công Thương cấp một phần và một phần nguồn thu từ học phí.

- Chức năng nhiệm vụ chủ yếu:

+ Đào tạo bậc Cao đẳng, Trung học và Nghề cho Bộ Công Thương và cho xã hội.

+ Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ ngành Công Thương và cho xã hội trong cả nước.

+ Nghiên cứu và thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong ngành Công Thương.

- Trường đã được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng ba, 03 huân chương Lao động hạng nhất, nhì và hạng ba cho các cá nhân.

- Được nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

- Được Nhà Nước phong tặng danh hiệu 01 Nhà giáo nhân dân, 07 Nhà giáo ưu tú.

- Được khen thưởng: 19 chiến sĩ thi đua cấp Bộ, 36 bằng khen cấp Bộ, 03 tập thể lao động Xuất sắc.

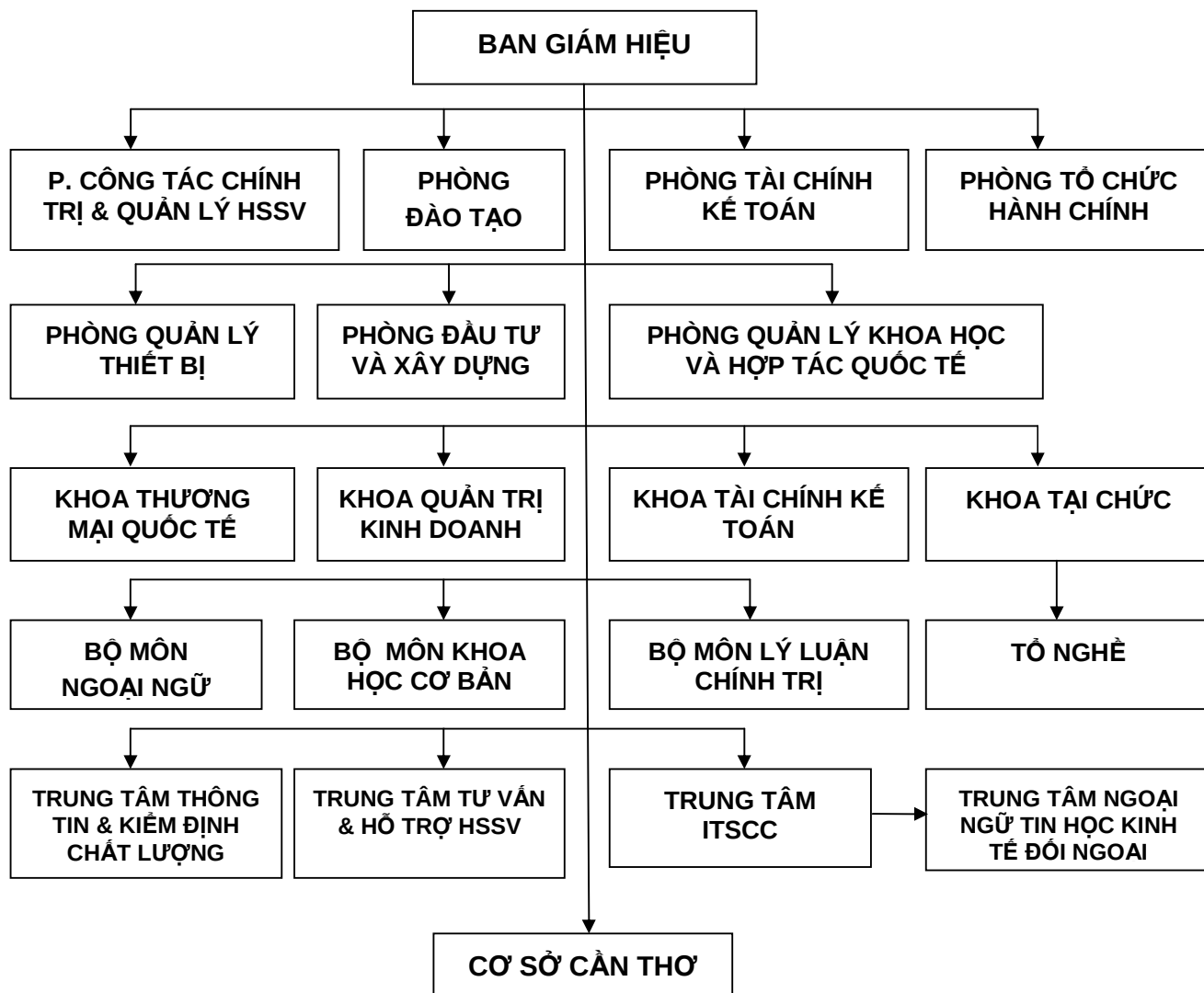
- Được tặng 05 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân.

- 05 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

- Được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục cho 11 người.

- Được Bộ Công thương tặng cờ Đơn vị Xuất sắc và 11 kỷ niệm chương và 01 tập thể xuất sắc.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường (vẽ sơ đồ mô tả tổ chức hành chính của nhà trường).



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
1. Ban Giám Hiệu	Phạm Châu Thành	NGƯT, Tiến sĩ Hiệu trưởng	0903823792 pcthanh@ktd.edu.vn
	Nguyễn Việt Tuấn	Thạc sĩ Phó Hiệu trưởng	0903148917 nvtuan@ktd.edu.vn
	Phan Thành Nguyên	Thạc sĩ Phó Hiệu trưởng	0903843153 ptnguyen@ktdn.edu.vn
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn			

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
- Đảng bộ	Phạm Châu Thành	NGU'T, Tiến sĩ, Bí Thư	0903823792 pcthanh@ktdn.edu.vn
- Công đoàn	Phạm Cao Khanh	Thạc sĩ, Chủ tịch	38463257 pckhanh@ktdn.edu.vn
- Đoàn Thanh niên	Trần Quốc Cường	Cử nhân, Bí thư	62910102 tqcuong@ktdn.edu.vn
3. Các phòng, ban chức năng			
- Phòng Đào tạo	Vũ Văn Hòa	Cử nhân Trưởng phòng	38446305 vvhoa@ktdn.edu.vn
- Phòng Tổ chức Hành chính	Nguyễn Thị Thu Tâm	Cử nhân Trưởng phòng	39952826 nttam@ktdn.edu.vn
- Phòng Công tác Chính trị & QL HS-SV	Phạm Cao Khanh	Thạc sĩ Trưởng phòng	38463257 pckhanh@ktdn.edu.vn
- Phòng Đầu tư & Xây dựng.	Nguyễn Hữu Phòng	Cử nhân Trưởng phòng	38446319 nhphong@ktdn.edu.vn
- Phòng Tài chính Kế toán	Nguyễn Văn Tỳ	NGU'T, Thạc sĩ Trưởng phòng	38459673 nvty@ktdn.edu.vn
- Phòng Quản lý Thiết bị	Nguyễn Ngọc Tổng	Thạc sĩ Trưởng phòng	39233369 ntong@ktdn.edu.vn
- Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác Quốc tế	Lê Phú Hào	Tiến sĩ Trưởng phòng	38446306 lphao@ktdn.edu.vn
4. Các trung tâm/ viện trực thuộc			
- Trung tâm Thông tin & Kiểm định Chất lượng.	Nguyễn Tuấn Hải	Thạc sĩ Giám đốc	38459974 ngtuanhai@ktdn.edu.vn
- Trung tâm ITSCC.	Phạm Châu Thành	NGU'T, Tiến sĩ Giám đốc	0903823792 pcthanh@ktdn.edu.vn
- Trung tâm Tư vấn & Hỗ trợ HS-SV.	Lê Văn Thành	Cử nhân Giám đốc	39959380 lvthanh@ktdn.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
- Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Kinh tế Đối ngoại.	Phạm Châu Thành	NGƯT, Tiến sĩ Giám đốc	39904981 pcthanh@ktdn.edu.vn
5. Các khoa:			
- Khoa Thương mại Quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	Tiến sĩ Trưởng Khoa	39901149 nvtien@ktdn.edu.vn
- Khoa Quản trị Kinh doanh.	Trần Văn Thọ	Thạc sĩ Trưởng Khoa	39901638 tvtho@ktdn.edu.vn
- Khoa Tài chính Kế toán.	Phạm Xuân Thành	Tiến sĩ Trưởng Khoa	39234363 pxthanh@ktdn.edu.vn
- Khoa Tài chức.	Lê Văn Triệu	Thạc sĩ Trưởng Khoa	39236974 lvtrieu@ktdn.edu.vn
6. Các bộ môn:			
- Bộ môn ngoại ngữ.	Hồ Thị Phùng Duyên	Thạc sĩ Trưởng Bộ môn	0906662405 htpduyen@ktdn.edu.vn
- Bộ môn Khoa học cơ bản.	Trương Minh Hòa	Cử nhân Trưởng Bộ môn	0989038550 tmhoa@ktdn.edu.vn
- Bộ môn Lý luận chính trị.	Dương Thị Ngọc Dung	Tiến sĩ Trưởng Bộ môn	0909000693 dtndung@ktdn.edu.vn
7. Cơ sở Cần Thơ	Nguyễn Văn Tiến	Thạc sĩ Phó Giám đốc	07103744026 nvtien@ktdn.edu.vn

14. Các ngành/chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

+ Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:

a. Ngành Kinh doanh Quốc tế:

(chuyên ngành Kinh doanh Xuất nhập khẩu)

b. Ngành Quản trị Kinh doanh:

(có 04 chuyên ngành: Quản trị Doanh nghiệp Thương mại; Quản trị Kinh doanh Xăng dầu; Marketing Thương mại; Quản trị Kinh doanh Nhà hàng Khách sạn)

c. Ngành Hệ thống Thông tin Quản lý:

(chuyên ngành Tin học Quản lý)

d. Ngành Kế toán:

(chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp Thương mại)

e. Ngành Tài chính – Ngân hàng:

(chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp)

f. Ngành Tiếng Anh:

(chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại)

+ Số ngành đào tạo (chuyên ngành) khác:

Bậc Trung cấp chuyên nghiệp:

- Quản trị Doanh nghiệp Thương mại.
- Nghiệp vụ Kinh doanh Xăng dầu.
- Nghiệp vụ Kinh doanh Thương mại.
- Nghiệp vụ Kinh doanh Ăn uống, Khách sạn.
- Nghiệp vụ Kinh doanh Xuất nhập khẩu.
- Kế toán Thương mại – Dịch vụ.

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

16. Tổng số các khoa đào tạo: 4

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	138	124	262
I.1	Cán bộ trong biên chế	138	124	262
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	138	156	294
	Tổng số	276	280	556

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 4 năm gần đây)

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	1	1				
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	74	8			66	
5	Thạc sĩ	180	60			120	

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6	Đại học	188	80			108	
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác	3	3				
	Tổng số	446	152			294	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = **152** người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **58,02%**

19. Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0.2	

Số thứ tự	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Giáo sư, Viện sĩ	3,0							
2	Phó Giáo sư	2,5		1					2,5
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2,0		8			66		42,4
5	Thạc sĩ	1,3		60			120		109,2
6	Đại học	1,0		80			108		101,6
7	Cao đẳng	0,5							
8	Trình độ khác	0,2		3					0,6
	Tổng			152			294		256,3

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

Số TT	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60

Số TT	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư									
2	Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	1	0,66	1						
3	Tiến sĩ									
3	Viện sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	8	5,26	7	1			4	4	
5	Thạc sĩ	60	39,48	26	34	7	34	18	8	
6	Đại học	80	52,63	41	39	33	21	10	13	
7	Cao đẳng									
8	Trình độ khác	3	1,97	3						
	Tổng	152		78	74	40	55	32	25	

20.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	39,13	17,65
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	13,04	70,59
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	21,74	7,84
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	17,39	3,92

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	8,70	
	Tổng	100,00	100,00

20.2. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **38** tuổi

20.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: **5,92%**

20.4. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: **39,47%**

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên cao đẳng và học sinh trung cấp chuyên nghiệp

21. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên/học sinh trúng tuyển và nhập học trong 4 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên/học sinh được tuyển	Số lượng sinh viên/học sinh quốc tế nhập học (người)
Cao đẳng							
2008-2009	18.629	8.131	43,65%	1.701	Khối A: 21,0 Khối D1:18,0	19,5	
2009-2010	22.886	8.580	37,49%	1.775	Khối A: 26,0 Khối D1:23,0	24,5	
2010-2011	30.980	2.422	7,82%	1.396	Khối A: 23,5 Khối D1:20,5	22,0	
2011-2012	20.549	7.671	37,33%	1.517	Khối A: 20,0 Khối D1:19,0	19,5	

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên/học sinh được tuyển	Số lượng sinh viên/học sinh quốc tế nhập học (người)
TCCN							
2008-2009	2.589	2.424	93,63%	1.577			
2009-2010	1.720	1.569	91,22%	1.575			
2010-2011	1.062	1.062	100%	965			
2011-2012	2.124	2.050	96,52%	945			

Số lượng sinh viên/học sinh hệ chính quy đang học tập tại trường (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007): **8.210** người

22. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên/học sinh nhập học trong 4 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Sinh viên cao đẳng <i>Trong đó:</i>				
Hệ chính quy	1.701	1.775	1.396	1.517
Hệ không chính quy	389	187		
2. Học sinh TCCN <i>Trong đó:</i>				
Hệ chính quy	1.577	1.575	965	945
Hệ không chính quy	611	283	360	291

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (chưa quy đổi): **9.699**

Tổng số sinh viên/học sinh quy đổi (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007): **8.448**

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trên giảng viên (sau khi quy đổi): **32,96**

23. Số sinh viên/học sinh quốc tế nhập học trong 4 năm gần đây: (Không có)

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
Số lượng				
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên/ học sinh quy đổi				

24. Sinh viên/học sinh có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên/học sinh có nhu cầu

Các tiêu chí	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	490	490	490	490
2. Sinh viên/học sinh có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá), người	210	160	120	120
3. Số lượng sinh viên/học sinh được ở trong ký túc xá, người	67	52	49	38
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên/học sinh ở trong ký túc xá, m ² /người	7,3	9,4	10	12,8

25. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
Số lượng			21	17
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên/học sinh quy đổi			0,26%	0,21%

26. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 4 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:				
Hệ chính quy	1.250	1.121	1.279	2.274
Hệ không chính quy	712	769	486	220
2. Học học sinh tốt nghiệp TCCN Trong đó:				
Hệ chính quy	1.241	1.155	1.108	511
Hệ không chính quy	778	789	397	207

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1.250	1.121	1.279	2.274
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	73,48	63,15	91,61	149,91
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng				70,25

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				1,27
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp				70,45 30,08
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)				11,9
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm				5 trđ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)				85,67
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)				
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)				

28. Tình trạng tốt nghiệp của học sinh TCCN hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1. Số lượng học sinh tốt nghiệp (người)	1.241	1.155	1.108	1.016
2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	78,69	73,33	114,82	107,51
3. Đánh giá của học sinh tốt nghiệp chất lượng đào tạo của nhà				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				
3.1 Tỷ lệ học sinh trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				89,25
3.2 Tỷ lệ học sinh trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				1,15
3.3 Tỷ lệ học sinh trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
4. Học sinh có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
4.1 Tỷ lệ học sinh có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp				67,25 30,45
4.2 Tỷ lệ học sinh có việc làm trái ngành đào tạo (%)				8,92
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của học sinh có việc làm				3,5 trđ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về học sinh tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây				
5.1 Tỷ lệ học sinh đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)				89,25
5.2 Tỷ lệ học sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)				
5.3 Tỷ lệ học sinh phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)				

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

29. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 4 năm gần đây:

Số TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng				
			2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài cấp NN	2,0					
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0					
3	Đề tài cấp trường	0,5	39	33	21	21	57
	Tổng		39	33	21	21	57

Tổng số đề tài quy đổi: **57**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **21,76%**

30. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 4 năm gần đây: (không có)

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2009			
2	2010			
3	2011			
4	2012			

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 4 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			114	
Tổng số cán bộ tham gia			230	

32. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 4 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng				
			2009	2010	2011	2012	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0					
2	Sách giáo trình	1,5	2.000	1.000	4.000	2.000	13.500
3	Sách tham khảo	1,0					
4	Sách hướng dẫn	0,5					
	Tổng		2.000	1.000	4.000	2.000	13.500

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **13.500**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **51,53%**

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 4 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách		10		
Tổng số cán bộ tham gia		12		

34. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 4 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng				
			2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5					
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0				8	8
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5			21	40	30,5
	Tổng				21	48	38,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **38,5**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **35%**

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 4 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo			
Từ 6 đến 10 bài báo		9	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			46
Tổng số cán bộ tham gia		15	46

36. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 4 năm gần đây:

Số TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng				
			2009	2010	2011	2012	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0				04	4
2	Hội thảo trong nước	0,5				14	7
3	Hội thảo cấp trường	0,25			42	24	16,5
	Tổng				42	42	27,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **27,5**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **25%**

37. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ

yếu trong 4 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4		
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo		14	
Trên 15 báo cáo			67
Tổng số cán bộ tham gia	4	14	67

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

38. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (Không có)

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2008 - 2009	
2009 - 2010	
2010 - 2011	
2011 - 2012	

39. Nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh

39.1 Số lượng sinh viên/học sinh của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 4 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên/học sinh tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			12	
Tổng số sinh viên/học sinh tham gia			25	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

39.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên/học sinh:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

Số TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng			
		2008 - 2009	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo			6	6
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố				

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

40. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): **120.636 m²**

41. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc : **1.966,5m²** Nơi học: **14.850 m²**

- Nơi vui chơi giải trí : **20.000 m²**

42. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: **14.850 m²**

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy: **1,58m²**

43. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường **18.988** cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường:
9.854 cuốn

44. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng : **81**

- Dùng cho sinh viên/học sinh học tập: **596**

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên/học sinh trên sinh viên/học sinh chính quy: **0,05**

45. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 4 năm gần đây:

- Năm 2009: 8.285.470.000 VNĐ
- Năm 2010: 9.121.000.000 VNĐ
- Năm 2011: 10.654.500.000 VNĐ
- Năm 2012: 11.590.000.000 VNĐ

46. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 4 năm gần đây:

- Năm 2009-2010 : 13.838.980.000 VNĐ
- Năm 2010-2011 : 10.334.086.000 VNĐ
- Năm 2011-2012 : 16.815.729.500 VNĐ
- Năm 2012-2013 : 14.458.600.000 VNĐ

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người) : **152**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): **58,02**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): **5,92**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): **39,47**

2. Người học (sinh viên/học sinh):

Tổng số sinh viên/học sinh chính quy (người): **9.699**

Tổng số sinh viên/học sinh quy đổi (người): **8.448**

Tỷ số sinh viên/học sinh trên giảng viên (sau khi quy đổi): **32,96**

Tỷ lệ sinh viên/học sinh tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): **91,61**

3. Đánh giá của Người học tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **89,25**

Tỷ lệ sinh viên/học sinh trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **1,15**

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh có việc làm đúng ngành đào tạo (%): **70,45**

Tỷ lệ sinh viên/học sinh có việc làm trái ngành đào tạo (%): **11,9**

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên/học sinh có việc làm (Triệu VNĐ): **5**

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về Người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên/học sinh đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): **85,67**

Tỷ lệ sinh viên/học sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): **0**

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): **21,76**

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: **0**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): **51,53**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): **35**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu (%): **25**

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên/học sinh trên sinh viên/học sinh chính quy : **0,05**

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên/học sinh chính quy (m^2): **1,58**

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên/học sinh chính quy (m^2 /người): **12,8**

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Được thành lập từ năm 1997, sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã không ngừng lớn mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng đào tạo, với đội ngũ Cán bộ, viên chức ngày càng được nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn; cơ sở vật chất, trang thiết bị được mở rộng và nâng cấp hiện đại hơn. Trường luôn xem chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Trong xu thế toàn cầu hóa và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu cấp thiết. Do đó, việc quan trọng nhất là tự đánh giá mình để nhằm tìm ra được những ưu điểm, những mặt còn tồn tại, và đưa ra được kế hoạch hành động để tiếp tục phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt tồn tại, từ đó quyết tâm cải thiện các lĩnh vực có liên quan tới những tiêu chí kiểm định chưa đạt theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2007 theo Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong tổng thể các hoạt động kiểm định chất lượng của trường cao đẳng. Trong quá trình này, Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, cải tiến, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh các nguồn lực để nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

Trong báo cáo tự đánh giá, mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn tập hợp trong 1 hộp hoặc nhiều hộp).
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết.
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt trong hộp 1.

H3.03.02.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt trong hộp 3.

H10.10.02.04: là minh chứng thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt trong hộp 10.

II. TỔNG QUAN CHUNG

Sau quá trình thu thập và phân tích các hoạt động của trường trong thời gian qua, có thể tóm tắt những mặt mạnh, những điểm còn tồn tại và kế hoạch hành động của trường theo từng tiêu chuẩn sau:

Tiêu chuẩn 1: Sức mạng và mục tiêu của trường cao đẳng

1. Những điểm mạnh:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại có sức mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường. Sức mạng của trường gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển của ngành và sự nghiệp giáo dục – đào tạo của đất nước. Sức mạng của nhà trường được quảng bá rộng rãi, và công bố trên website của trường tại địa chỉ:

<http://www.ktdn.edu.vn>.

Mục tiêu của trường bám sát với mục tiêu đào tạo trình độ Cao đẳng theo đúng các quy định của Luật giáo dục và phù hợp sứ mạng của trường. Các mục tiêu của trường đều cụ thể, rõ ràng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế của trường trong từng năm học và có kế hoạch thực hiện trong từng giai đoạn, từng năm học.

2. Những tồn tại:

Trường chưa quảng bá sứ mạng của trường đến các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

Trường chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các Khoa, Phòng, Bộ môn trực thuộc trường trong việc rà soát và bổ sung các mục tiêu của trường.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Trường sẽ có kế hoạch tích cực để nhằm công bố sứ mạng của trường đến các doanh nghiệp, đến các tổ chức xã hội.

Đồng thời, trường sẽ có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các Khoa, Phòng, Bộ môn trong việc rà soát và bổ sung các mục tiêu của trường, phân tích và xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của năm học cho toàn trường, lấy ý kiến đóng góp tại hội nghị Cán bộ viên chức.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

1. Những điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của trường theo đúng qui định của Điều lệ trường cao đẳng, phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung, đảm bảo hoạt động đồng bộ, phát huy hiệu quả của bộ máy; đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển.

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách.

2. Những tồn tại:

Một số hoạt động trong trường chưa đồng bộ để đạt hiệu quả, chính vì lý do một số bộ phận đã được thành lập trước đây chưa được qui định rõ chức năng.

Chưa thường xuyên bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, tin học theo nhiều cấp độ cho đội ngũ cán bộ nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý điều hành.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, trường sẽ sửa đổi, bổ sung “Quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ làm việc trong Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại”.

Đồng thời, trường sẽ có kế hoạch bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý điều hành.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục

1. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được cụ thể hóa cho từng chuyên ngành đào tạo, được sự đóng góp ý kiến của giảng viên các Khoa, các Bộ môn, các phòng ban chức năng trong nhà trường một cách khoa học và ý kiến góp ý từ các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức và hội nghề nghiệp. Nhờ đó, chương trình giáo dục của trường vừa bảo đảm tính khoa học, vừa bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của trường và nhu cầu của xã hội.

2. Những tồn tại:

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức và hội nghề nghiệp ở các tỉnh như Bà Rịa - Vũng tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ,...còn một số hạn chế là do khó khăn về kinh phí triển khai và nhân lực thực hiện.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ triển khai chương trình khảo sát lấy ý kiến góp ý cho chương trình giáo dục của trường từ đại diện các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động ở các tỉnh như Bà Rịa - Vũng tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang,...

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

1. Những điểm mạnh:

Công tác tuyển sinh của trường từ khâu lập kế hoạch, chuẩn bị, tổ chức thi, xét trúng tuyển, gọi nhập học được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng các quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Đa số Giáo viên của Trường đều nhiệt tình đối với việc đổi mới phương pháp dạy học, nhận thức của Giáo viên trong việc tích cực hóa việc dạy học là tốt, nhiều giáo viên triển khai các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực và hợp tác của người học.

Trường thực hiện đa dạng về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo phù hợp với các hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học.

2. Những tồn tại:

Trong công tác chấm thi trắc nghiệm cùng với Cục Khảo Thí, Trường chưa tham gia giám sát công tác chấm thi là do trường không nhận được yêu cầu và kế hoạch chấm thi của đơn vị chấm thi.

Còn một số người học thiếu tinh thần tự giác, thiếu tính hợp tác, chưa tự học, tự nghiên cứu, nên chưa tiếp cận được phương pháp đào tạo mới này.

Hiện nay chưa xây dựng được ngân hàng đề thi vì Trường mới chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang hình thức đào tạo tín chỉ.

3. Kế hoạch hành động:

Từ kỳ tuyển sinh năm 2013, Trường sẽ chủ động phối hợp với đơn vị chấm thi trắc nghiệm để tham gia giám sát việc chấm thi.

Trường sẽ lên kế hoạch tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập. Cố vấn học tập thường xuyên tiếp cận với các lớp, động viên hướng dẫn phương pháp học tập để giúp sinh viên nắm bắt, tạo khả năng tiếp cận, xác định trách nhiệm, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định kế hoạch học tập cá nhân. Phát động phong trào đổi mới phương pháp dạy và học trong giảng viên và sinh viên.

Trong giai đoạn 2010 – 2015 Trường sẽ hoàn thiện chương trình đào tạo tín chỉ, xây dựng ngân hàng đề thi và thành lập phòng Khảo thí để thống nhất quy trình đánh giá kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

1. Những mặt mạnh:

Trường thực hiện nhiều biện pháp để nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có năng lực quản lý điều hành, công việc đạt hiệu quả cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ nhân viên của trường đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác đào tạo của trường; có ý thức trách nhiệm trong công tác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ lao động theo qui định hiện hành.

2. Những tồn tại:

Do những điều kiện khách quan nên một số cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như lên lớp chưa đúng giờ, chưa thực hiện việc đeo băng tên, đồng phục theo qui định.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ có kế hoạch và biện pháp nhằm kiểm tra, đôn đốc giảng viên, cán bộ, nhân viên thực hiện tốt hơn nữa các nghĩa vụ theo quy định.

Tiêu chuẩn 6: Người học

1. Những điểm mạnh:

Người học được Nhà trường tổ chức hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá trong quy chế đào tạo và các quy định khác được thể hiện trong Sổ tay Học sinh – sinh viên, nhằm giúp cho người học nắm bắt đầy đủ các thông tin liên quan đến quyền lợi học tập của mình.

2. Những tồn tại:

Các thông tin lấy ý kiến phản hồi từ người học về vấn đề tiếp thu các hướng dẫn chưa được đầy đủ do Bài thu hoạch cuối đợt Sinh hoạt công dân học

sinh – sinh viên được xây dựng từ các năm học trước chưa được cập nhật lại và bổ sung.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Phòng Công tác chính trị và Quản lý học sinh – sinh viên sẽ tiến hành xây dựng lại hệ thống các yêu cầu trong Bài thu hoạch cuối đợt Sinh hoạt công dân để ghi nhận được sự phản hồi từ phía người học một cách đầy đủ nhất việc tiếp thu đầy đủ các nội dung được hướng dẫn về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

1. Những điểm mạnh:

Hoạt động khoa học, công nghệ của trường được lãnh đạo nhà trường; lãnh đạo các Phòng, Trung tâm, Khoa, Bộ môn và Cán bộ, viên chức rất quan tâm.

Tất cả Cán bộ, viên chức đều nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và báo cáo sáng kiến.

Hàng năm đều có xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ cụ thể; tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức tổng kết, đánh giá, khen thưởng kịp thời.

Công tác nghiên cứu khoa học ngày càng phát triển, số lượng đề tài ngày càng tăng và đã được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của nhà trường.

2. Những tồn tại:

Việc triển khai thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ của trường còn bị động về mặt thời gian do thiếu sự kiểm tra, đôn đốc thực hiện của bộ phận triển khai thực hiện.

Các đề tài nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng được việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục khác ở địa phương do nhu cầu dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục ở địa phương khác với trường.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, trường sẽ tổ chức hội nghị về hoạt động khoa học, công nghệ của trường để rút kinh nghiệm và có biện pháp kiểm tra để nhằm đôn đốc cán bộ, giảng viên thực hiện đúng tiến độ.

Đồng thời, Trường sẽ tìm hiểu nhu cầu về việc dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục khác ở địa phương để có biện pháp triển khai ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm ngày càng đạt hiệu quả cao.

Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

1. Những điểm mạnh:

Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí phục vụ người học; có phòng đọc thoáng mát, trang thiết bị hiện đại; có quy định, nội quy cụ thể đối với thủ thư và bạn đọc.

Hàng năm thư viện được đầu tư kinh phí để trang bị máy móc, thiết bị, sách, báo, tạp chí đáp ứng nhu cầu học tập, tham khảo của học sinh sinh viên.

Trường có phòng máy tính kết nối mạng internet, mạng Lan để đáp ứng tốt nhu cầu học tập của người học; có biện pháp hỗ trợ cho người học bằng việc dạy thực hành kế toán theo phần mềm APV và xếp lịch thực hành hợp lý, điều này đã kích thích người học tích cực học tập.

Trường có các giảng đường lớn, có thiết bị âm thanh, ánh sáng để phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, có khu thể thao dành cho học sinh - sinh viên như sân bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn.

2. Những tồn tại:

Nhà trường chưa lấy phiếu thăm dò để nắm bắt nhu cầu của học sinh - sinh viên về thư viện vì tập trung nguồn lực xây dựng cơ sở mới tại Quận 9 trong đó có thư viện.

Do trường đang nghiên cứu lựa chọn phần mềm cho phù hợp với chương trình đào tạo nên chưa trang bị các phần mềm cho người học.

Do các trang thiết bị phục vụ cho văn hóa, nghệ thuật được trang bị trước năm 2000 nên đã bị lạc hậu so với hiện nay.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, nhà trường sẽ tiến hành lấy phiếu tham dò để làm cơ sở trang bị máy móc, thiết bị, sách, tài liệu cho thư viện mới tại Quận 9.

Đồng thời, sẽ trang bị phần mềm để phục vụ cho nhu cầu học tập của người học phù hợp với các chuyên ngành đào tạo như phần mềm tiếng Anh; tiến hành thay thế các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật đã bị lạc hậu.

Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính

1. Những điểm mạnh:

Công tác quản lý tài chính của trường luôn thực hiện đúng qui định của Nhà nước nên trong các đợt thanh tra kiểm toán của cơ quan quản lý cấp trên đều đạt kết quả tốt. Các nguồn tài chính của Trường ổn định, được khai thác một cách hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, được quản lý và hạch toán đúng theo qui định của Nhà nước. Trường tận dụng ưu thế chuyên môn của mình mở các lớp Bồi dưỡng ngắn hạn, các lớp liên kết để tăng nguồn thu duy trì nguồn kinh phí bổ sung đủ bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên nhằm cải thiện đời sống vật chất cho cán bộ, viên chức và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

2. Những tồn tại:

Do chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có của trường, nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nên nguồn thu còn ít so với nhu cầu chi tiêu của Trường, vì thế một số hoạt động phong trào còn bị hạn chế do thiếu kinh phí.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Trường sẽ xây dựng kế hoạch mở rộng quy mô, loại hình đào tạo một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mới, và mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học để từ đó tạo ra nguồn thu nhiều hơn, giảm các khoản chi không cần thiết, tăng cường các hoạt động dịch vụ có thu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội

1. Những điểm mạnh:

Trường đã thiết lập được mối quan hệ với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật và các tổ chức thông tin đại chúng nên tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển, tạo sân chơi giao lưu lành mạnh cho Cán bộ, viên chức và học sinh – sinh viên, đồng thời qua đó quảng bá hình ảnh của nhà trường đến công chúng.

2. Những tồn tại:

Do Trường chưa chủ động thiết lập các mối quan hệ với các cơ sở thể dục thể thao để được hỗ trợ thêm về chuyên môn và vật chất đối với hoạt động này.

Do hoạt động giảng dạy và học tập chiếm nhiều thời gian và kinh phí có hạn nên một số hoạt động phong trào của địa phương nhà trường chưa phối hợp cùng tham gia.

3. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Trường sẽ chủ động xây dựng kế hoạch trong việc thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường với tổ chức thể dục thể thao để có được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và vật chất cho nhà trường.

Đồng thời, Trường sẽ xây dựng kế hoạch, và chủ động tham gia các phong trào của các cơ quan đoàn thể ở địa phương nhằm tạo ra mối quan hệ mật thiết thúc đẩy các hoạt động văn hoá - xã hội ngày càng phát triển.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ:

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại trực thuộc Bộ Công Thương được thành lập theo Quyết định số 47/TTg ngày 20/01/1997 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Trường, cũng như xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và lĩnh vực giáo dục - đào tạo nói riêng, đồng thời căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội của ngành Công Thương, trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã xác định rõ sứ mạng của mình:

“Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại là nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Cao đẳng trong lĩnh vực Thương mại – Dịch vụ trên phạm vi cả nước; Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo nhu cầu xã hội; Đồng thời tổ chức nghiên cứu và thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ cho sự phát triển của đất nước”. Sứ mạng này đã được công bố công khai, có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương và của Ngành.

Các mục tiêu của trường đều được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và luôn được định kỳ rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Mục tiêu giáo dục của trường có sự thống nhất cao giữa Đảng Bộ, chính quyền và các đoàn thể, đồng thời cũng được phổ biến rộng rãi đến cán bộ, viên chức, học sinh – sinh viên, và cũng được quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin như: website, brochure, sổ tay học sinh – sinh viên của trường.

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định, được công bố công khai, có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Sứ mạng của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại được xác định rõ ràng và được nêu trong Nghị quyết của Đảng uỷ Trường [H1.01.01.01], cũng như trên website [H1.01.01.02], brochure giới thiệu trường [H1.01.01.03], sổ tay học sinh – sinh viên [H1.01.01.04], trong báo cáo tổng kết tình hình hoạt động và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu của Trường [H1.01.01.05].

Nội dung sứ mạng phù hợp với chức năng nhiệm vụ [H1.01.01.06] nguồn lực và định hướng phát triển của Trường [H1.01.01.07], chuẩn bị đầy đủ nguồn lực và cơ sở vật chất để nâng cấp trường lên Đại học [H1.01.01.08]

Sứ mạng của trường phù hợp và gắn kết với nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế của Ngành Thương mại Dịch vụ [H1.01.01.09]. Với các hoạt động đào tạo đa dạng mà trường đã thực hiện, trường đã khẳng định được uy tín về

đào tạo và nghiên cứu khoa học của mình [H1.01.01.10]. Do nhu cầu về nguồn nhân lực trong xu thế hội nhập hiện nay Trường đã mở rộng các chuyên ngành đào tạo của mình để đáp ứng cho sự phát triển của xã hội [H1.01.01.11]. Trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hầu hết học sinh – sinh viên ra trường được các doanh nghiệp, công ty tiếp nhận, phù hợp với yêu cầu công việc [H1.01.01.12].

Tuy nhiên, việc quảng bá sứ mạng của trường đến các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội còn hạn chế.

2. Những điểm mạnh:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường. Sứ mạng của trường gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển của Ngành và sự nghiệp giáo dục – đào tạo của đất nước.

Sứ mạng của Nhà trường đã được quảng bá rộng rãi, công bố chính thức trên website trường, tại địa chỉ: <http://www.ktdn.edu.vn>.

3. Những tồn tại:

Do thiếu kinh phí, nên việc quảng bá sứ mạng của trường đến các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013 Trường sẽ có kế hoạch tích cực nhằm công bố sứ mạng của trường đến các doanh nghiệp, đến các tổ chức xã hội, đồng thời sứ mạng của trường sẽ được đặt tại các vị trí quan trọng ở các cơ sở trực thuộc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường cao đẳng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của nhà trường; được quy định và rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả:

Căn cứ vào mục tiêu đào tạo trình độ Cao đẳng quy định tại Luật Giáo dục năm 2005 [H1.01.02.01], và sứ mạng đã được tuyên bố [H1.01.01.01], trường

đã xác định mục tiêu chiến lược là xây dựng Trường trở thành trường Cao đẳng có uy tín hàng đầu trên lĩnh vực giáo dục – đào tạo, làm cơ sở nâng cấp lên trường Đại học. Để thực hiện mục tiêu trên, cụ thể:

- + Trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học nắm vững kiến thức chuyên môn [H1.01.02.02], có kỹ năng cơ bản để vận dụng vào thực tiễn, thực hành thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ, có khả năng tự học tập, nghiên cứu để thích nghi với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp [H1.01.02.03].

- + Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý có chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp [H1.01.02.04] [H1.01.02.05].

- + Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý **[H1.01.01.11]**, nâng cao chất lượng đào tạo [H1.01.02.06]. Tích cực tận dụng công nghệ thông tin - truyền thông và áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy [H1.01.02.07].

- + Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo và phục vụ xã hội [H1.01.02.08]

- + Xúc tiến nhanh dự án nâng cấp Trường thành trường Đại học [H1.01.02.09].

Các mục tiêu này được định kỳ rà soát hàng năm, quy trình rà soát các mục tiêu này được tiến hành như sau: Cuối mỗi học kỳ, trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện mục tiêu của năm học đó và đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu cho năm học mới nhằm thực hiện các mục tiêu nói trên **[H1.01.01.05]**.

Các mục tiêu này đã được phổ biến trong trường và các đơn vị thuộc trường tại các văn bản sau đây:

- + Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu của năm học **[H1.01.01.05]**.

- + Nghị quyết Hội nghị Cán bộ viên chức [H1.01.02.10].

Mục tiêu giáo dục của trường đã công bố rộng rãi trên trang web của trường tại địa chỉ : <http://www.ktdn.edu.vn> [H1.01.02.11], trên các brochure, và

các buổi sinh hoạt đầu khóa học [H1.01.02.12]. Ngoài ra để quảng bá rộng rãi mục tiêu của trường ra ngoài xã hội, Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã công bố mục tiêu của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng [H1.01.02.13].

Tuy nhiên, Trường chưa phối hợp chặt chẽ với các Khoa, Phòng, Bộ môn trong việc rà soát và bổ sung các mục tiêu của trường.

2. Những điểm mạnh:

Mục tiêu của trường đã bám sát mục tiêu đào tạo trình độ Cao đẳng theo đúng quy định của Luật giáo dục và phù hợp sứ mạng của trường đã được tuyên bố.

Mục tiêu của trường cụ thể, rõ ràng, và được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế của trường trong từng năm học và có kế hoạch thực hiện trong từng giai đoạn, từng năm học. Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, trường đã xây dựng các chỉ tiêu cụ thể, các nguồn lực và các biện pháp thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

3. Những tồn tại:

Do Trường chưa có kế hoạch để phối hợp chặt chẽ với các Khoa, Phòng, Bộ môn trong việc rà soát và bổ sung các mục tiêu của trường.

4. Kế hoạch hành động:

Đầu năm học 2012 – 2013, Trường sẽ có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các Khoa, Phòng, Bộ môn trong việc rà soát và bổ sung các mục tiêu của trường, phân tích và xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của năm học cho toàn trường, lấy ý kiến đóng góp tại hội nghị Cán bộ viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã đưa ra tuyên bố sứ mạng của mình, cùng với những mục tiêu thể hiện rõ chiến lược phát triển của trường, đáp ứng được những yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của Ngành.

Hiện nay, trường vẫn còn những hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch theo những mục tiêu đã đề ra. Những hạn chế này sẽ được khắc phục trong thời

gian tới để Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có uy tín cho xã hội.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và Quản lý

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại được tổ chức và quản lý phù hợp với quy định của Nhà nước, với các nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của trường; có kế hoạch và các biện pháp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục. Trường có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, phù hợp với nguồn lực và cơ sở vật chất của trường, đồng thời theo đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng. Chức năng, nhiệm vụ của trường và các đơn vị, cá nhân cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược của trường gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ của ngành giáo dục và đào tạo, với tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Công Thương. Đảng bộ trường, chính quyền và các đoàn thể trong trường đã phối hợp cùng hoạt động để xây dựng được một tập thể cán bộ, viên chức và học sinh - sinh viên về cơ bản đoàn kết nhất trí để trường phát triển ngày càng vững mạnh.

Công tác đảm bảo chất lượng được trường quan tâm, và xem chất lượng đào tạo là mục tiêu để phấn đấu ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và các hoạt động khác của trường.

Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của trường cao đẳng được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Cơ cấu tổ chức của trường được thực hiện theo qui định của Nhà nước, bao gồm: Ban giám hiệu, các phòng chức năng, Khoa, Bộ môn trực thuộc trường, các Trung tâm, và cơ sở Cần Thơ. Đây là mô hình tổ chức của trường cao đẳng phù hợp với qui định của Luật Giáo dục 2005 [H1.01.02.01], Điều lệ trường cao đẳng [H2.02.01.01]. Cơ cấu tổ chức của trường được thông tin rộng rãi trên Website của trường [H2.02.01.02] và sổ tay học sinh – sinh viên [H1.01.01.04].

Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại theo quyết định số 0960/QĐ-BTM ngày 15/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại [H2.02.01.03], quy định cụ thể hóa quy chế về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức, hoạt động của từng đơn vị và cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường. Cơ cấu tổ chức của trường gồm: Ban Giám hiệu đứng đầu là Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng giúp việc cho hiệu trưởng theo từng lĩnh vực công tác được phân công [H2.02.01.04]. Trường hiện có các đơn vị trực thuộc gồm: 07 phòng chức năng (Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý học sinh – sinh viên, Phòng Đầu tư – Xây dựng, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Quản lý Thiết bị, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế), 04 khoa chuyên môn (Khoa Quản trị Kinh doanh, Khoa Thương mại Quốc tế, Khoa Tài chính – Kế toán, Khoa Tài chức), 03 bộ môn (Ngoại ngữ, Lý luận chính trị, Khoa học cơ bản), 04 trung tâm (Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ học sinh - sinh viên, Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Đầu tư và Thương mại, Trung tâm Thông tin và Kiểm định chất lượng, Trung tâm ngoại ngữ, tin học kinh tế đối ngoại) và cơ sở Cần Thơ [H2.02.01.05]. Đứng đầu các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn do Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm [H2.02.01.06]. Cơ cấu tổ chức nói trên phù hợp với đặc điểm hoạt động của một trường cao đẳng và khả năng quản lý của trường.

Tuy nhiên, hoạt động của một số bộ phận trong trường chưa được đồng bộ để đạt hiệu quả trong công tác.

2. Những điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của trường theo đúng qui định của Điều lệ trường cao đẳng, phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung, đảm bảo hoạt động đồng bộ, phát huy hiệu quả của bộ máy; đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển.

3. Những tồn tại:

Hoạt động của một số bộ phận trong trường chưa được đồng bộ để đạt hiệu quả trong công tác, bởi vì một số bộ phận này được thành lập trước đây chưa có qui định rõ chức năng.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, trường sẽ sửa đổi, bổ sung quy định về chức, năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ làm việc của các bộ phận trong Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.2: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo qui định.

1. Mô tả:

Ban Giám Hiệu gồm Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng về phẩm chất chính trị, đạo đức, có uy tín và kinh nghiệm giảng dạy, quản lý, tuổi đời và trình độ học vị [H2.02.02.01]. Trường đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng quy định [H2.02.02.02]. Trong từng nhiệm kỳ công tác của Ban Giám hiệu đều có văn bản phân công phụ trách, điều hành các phạm vi hoạt động của trường [H2.02.02.03]. Nhờ có sự chỉ đạo, điều hành và triển khai công việc theo hệ thống nhất quán từ trường xuống các đơn vị, nên hầu hết các công việc đều được hoàn thành theo kế hoạch đã dự kiến. Thông qua việc bình chọn các danh hiệu thi đua hàng năm, các thành viên trong Ban Giám hiệu đều đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp cơ sở đến cấp Bộ, được Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng ba [H2.02.02.04].

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng của trường đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo đúng Điều lệ của trường cao đẳng **[H2.02.01.04]**. Nhờ sự phối hợp hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể đã đưa trường đạt nhiều thành quả đáng khích lệ thể hiện qua kết quả đánh giá xếp loại cán bộ - viên chức và Đảng viên hàng năm [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], và nhiều phần thưởng cao quý của nhà nước trao tặng [H2.02.02.07].

Do số lượng của Ban Giám hiệu chỉ có 03 người nên công việc quá bận rộn, đôi lúc không đủ thời gian để kiểm tra, tổ chức thực hiện có hiệu quả toàn

bộ các hoạt động của nhà trường.

Tuy nhiên, trường chưa tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến từ học sinh – sinh viên và cán bộ - viên chức về việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng.

2. Những điểm mạnh:

Ban Giám Hiệu nhà trường có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm, đồng thời có sự phân công công việc cụ thể trong Ban Giám Hiệu, vì vậy các hoạt động chung của trường được thực hiện kịp thời và đồng bộ.

3. Những tồn tại:

Nhà trường chưa có kế hoạch để tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến từ học sinh-sinh viên và cán bộ - viên chức về việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2012-2013, Nhà trường sẽ tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến từ học sinh - sinh viên và cán bộ, viên chức về việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.3: Hội đồng khoa học và đào tạo của trường có đủ thành phần và thực hiện được chức năng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại không có Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo đúng tên gọi của nó, nhưng trường đã có Hội đồng Khoa học được thành lập vào năm 2007 với “quy chế hoạt động” kèm theo quyết định được ban hành [H2.02.03.01], đến năm 2010 trường thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế với chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ làm việc với các đơn vị và tổ chức bộ máy của phòng theo quyết định thành lập phòng [H2.02.03.02] để thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Thành phần Hội đồng Khoa học có 32 thành viên gồm các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảng viên của trường và những người làm công tác quản

lý kinh tế và nghiên cứu khoa học trong các cơ quan tổ chức khác có đầy đủ năng lực, học vị tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện sự nghiệp giáo dục đào tạo của nhà trường theo quy định tại điều 43 của Điều lệ trường cao đẳng **[H2.02.01.01]**.

Hội đồng Khoa học thực hiện các chức năng nghiên cứu khoa học [H2.02.03.03]; thực hiện các kế hoạch, các chương trình đào tạo, các chương trình môn học [H2.02.03.04].

Tuy nhiên, tên gọi của Hội đồng Khoa học chưa đúng với qui định trong Điều lệ trường cao đẳng và chưa quan tâm nhiều đến vấn đề bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên.

2. Những điểm mạnh:

Hội đồng Khoa học có đủ thành phần, đủ năng lực, trách nhiệm và đã thực hiện tốt chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ của trường.

3. Những tồn tại:

Hội đồng Khoa học được thành lập nhưng tên gọi chưa đúng với qui định trong Điều lệ trường cao đẳng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Hội đồng Khoa học trường chưa quan tâm nhiều đến vấn đề bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012- 2013 Trường sẽ thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo với đủ thành phần, có năng lực, có học vị và thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.4: Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ theo qui định.

1. Mô tả:

Tháng 01/1997 Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại theo quyết định số 48/TTg, ngày 24/01/1997 của Thủ tướng Chính phủ [H2.02.04.01] và quyết định số 0883/BTM-QĐ, ngày 07/03/1997 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) [H2.02.04.02]. Bộ máy tổ chức của Nhà trường hiện có 7 phòng chức năng, 4 khoa, 3 bộ môn, 4 trung tâm và cơ sở Cần Thơ. Các phòng chức năng bao gồm: Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Công tác chính trị và Quản lý học sinh – sinh viên, Phòng Đầu tư và Xây dựng, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Quản lý Thiết bị, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; 04 Khoa gồm có: Khoa Thương mại Quốc tế, Khoa Quản trị Kinh doanh (Trong đó có các bộ môn sau: Nghiệp vụ Kinh doanh thương mại, Quản lý chất lượng hàng hóa, Luật, Kinh tế thương mại và Marketing); Khoa Tài chính – Kế toán (trong đó có các bộ môn: Kế toán doanh nghiệp, Tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh và Thị trường chứng khoán) và Khoa Tại chức; các Bộ môn gồm có: Ngoại ngữ, Khoa học cơ bản, Lý luận chính trị; 04 Trung tâm gồm có: Trung tâm Thông tin và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ học sinh – sinh viên, Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Đầu tư và Thương mại, Trung tâm ngoại ngữ - tin học kinh tế đối ngoại; và cơ sở Cần Thơ [H2.02.01.05].

Chịu trách nhiệm chính của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn và cơ sở Cần thơ là Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc, Trưởng bộ môn và Phó Giám đốc cơ sở Cần Thơ do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc cho các Trưởng phòng, Trưởng khoa là các Phó phòng, Phó trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng, Trưởng Khoa. Chịu trách nhiệm chính của các bộ môn trực thuộc khoa là các Trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa sau khi tham khảo ý kiến của các giảng viên trong bộ môn [H2.02.01.06]. Với cơ

cấu tổ chức bộ máy như trên phù hợp với yêu cầu hoạt động của Nhà trường và đúng theo qui định của Điều lệ trường cao đẳng.

Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý và thực hiện các mặt công tác của trường, quản lý nhân viên theo phân cấp của Hiệu trưởng (điều 45 của Điều lệ trường cao đẳng) [H2.02.01.05]. Các khoa và các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa có nhiệm vụ tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo như chương trình đào tạo, quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên, sinh viên theo phân cấp của Hiệu trưởng (Điều 46, 47 của Điều lệ trường cao đẳng) [H2.02.01.05].

Tuy nhiên, các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp với yêu cầu của trường, có cơ cấu và nhiệm vụ theo đúng qui định của Nhà trường, theo đúng điều lệ trường cao đẳng nhưng trong đó phòng Đầu tư và Xây dựng ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính của mình còn thực hiện thêm nhiệm vụ của Phòng Tổ chức – Hành chính.

2. Những điểm mạnh:

Các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa được tổ chức phù hợp, có cơ cấu nhiệm vụ theo đúng qui định, do đó phát huy tốt công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại:

Hiện nay do 05 cơ sở của trường nằm cách xa nhau nên trong công tác quản lý của phòng Đầu tư và xây dựng phải làm thêm một số công tác của phòng Tổ chức – Hành chính như quản lý phòng học, vệ sinh, điện nước và âm thanh.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ tiến hành xây dựng nhà học đa năng tại cơ sở quận 9, phòng Đầu tư và Xây dựng sẽ chuyển lên cơ sở quận 9 để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.5: Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở thực hành, nghiên cứu khoa học của trường được thành lập và hoạt động theo quy định.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại có 2 nhiệm vụ trọng tâm: một là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ bậc cao đẳng, bậc trung cấp, bậc nghề trong lĩnh vực thương mại và du lịch; hai là tổ chức nghiên cứu và thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ công tác giáo dục – đào tạo, sản xuất kinh doanh của ngành thương mại, du lịch và phát triển kinh tế xã hội. Xác định được hai nhiệm vụ trọng tâm đó, năm 1997 Trường đã lập phương án trình Bộ cho thành lập Trung tâm tư vấn Dịch vụ Đầu tư và thương mại theo quyết định số: 18TM/TCCB, ngày 09 tháng 01 năm 1996 [H2.02.05.01], đồng thời thành lập Hội đồng khoa học [H2.02.03.01] để thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Trong những năm qua, công tác nghiên cứu khoa học của Trường tập trung chủ yếu vào lĩnh vực khoa học giáo dục. Các đề tài đã được triển khai và ứng dụng trong giảng dạy tại trường [H2.02.05.02]; ngoài ra còn có những đề tài được ứng dụng vào thực tiễn như “Đề tài đóng góp cho việc xây dựng Luật Thương mại” [H2.02.05.03].

Trường hiện có 01 phòng thực hành chế biến sản phẩm ăn uống, 01 phòng thực hành bàn ăn, 05 phòng thực hành buồng, 01 bãi tập lái xe, 01 phòng thí nghiệm xăng dầu ở quận 9 [H8.08.02.04], 06 phòng thực hành tin học [H8.08.02.07], 02 thư viện [H8.08.01.01], 01 phòng thực hành môn giáo dục quốc phòng [H2.02.05.04].

Tuy nhiên, tốc độ phát triển của khoa học công nghệ quá nhanh nên những thiết bị trong phòng thực hành và nghiên cứu khoa học vẫn chưa được trang bị hiện đại.

2. Những điểm mạnh:

Trường có các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở thực hành, nghiên cứu khoa học của trường được thành lập và hoạt động theo qui định.

3. Những tồn tại:

Do kinh phí còn hạn chế nên chưa đầu tư trang thiết bị cho các phòng thực hành.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Nhà trường sẽ đầu tư kinh phí trang bị dần dần cho các phòng thực hành như thư viện, phòng thực hành tin học, phòng thực hành chế biến sản phẩm ăn uống đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo, thực hành và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.6: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Thực hiện chỉ thị số 53/2007/CT-BGD-ĐT ngày 07/09/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học năm học 2007-2008, Nhà trường đã tiến hành thành lập Trung tâm Thông tin và Kiểm định chất lượng theo quyết định số: 372/QĐ-CKĐ, ngày 25/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại [H2.02.06.01]. Để phát huy cao hơn nữa công tác kiểm định và tự đánh giá chất lượng tiến tới xây dựng cơ chế tự đảm bảo chất lượng và tiến hành tự đánh giá theo định kỳ, Nhà trường sẽ tiến hành đổi tên Trung tâm thông tin và kiểm định chất lượng thành Trung tâm Thông tin và Đảm bảo chất lượng giáo dục [H2.02.06.02].

Đội ngũ cán bộ và nhân viên của Trung tâm gồm 03 cán bộ trong đó có 01 thạc sĩ, 02 cử nhân [H2.02.06.03]. Cán bộ của Trung tâm được đã được tham gia các chương trình tập huấn về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H2.02.06.04]. Những cán bộ này đều có kỹ năng khá tốt trong việc sử dụng máy tính, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc và đều có chứng chỉ B tiếng Anh trở lên [H2.02.06.05].

Ngay sau khi được thành lập, Trung tâm thông tin và Kiểm định chất lượng đã tham mưu cho lãnh đạo trường thành lập Hội đồng tự đánh giá để triển khai công tác tự đánh giá của trường và triển khai các kế hoạch nghiệm thu đề cương, tiêu chí, tiêu chuẩn [H2.02.06.06]. Ngoài công tác kiểm định Trung tâm còn có nhiệm vụ thường xuyên cập nhật thông tin của các bộ phận đưa lên website: www.ktdn.edu.vn [H2.02.06.07], thực hiện các báo cáo theo phân công của Hiệu trưởng [H2.02.06.08]. Trung tâm còn là đầu mối trong việc triển khai ISO với Trung tâm Chất lượng Quốc tế IQC [H2.02.06.09] nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tiến tới đạt chuẩn chất lượng về đào tạo.

Việc thành lập Trung tâm Thông tin và Kiểm định chất lượng đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đảm bảo chất lượng của Trường.

Tuy nhiên, công tác đánh giá và khảo sát trong kiểm định chất lượng chưa đạt hiệu quả.

2. Những điểm mạnh:

Cán bộ của Trung tâm Thông tin và Kiểm định chất lượng được tập huấn về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức. Thông tin trên website www.ktdn.edu.vn được đưa lên nhanh chóng và chính xác.

3. Những tồn tại:

Một số công việc liên quan đến đánh giá và khảo sát chưa triển khai có hiệu quả là do cán bộ và nhân viên của Trung tâm Thông tin và Kiểm định chất lượng chưa được đào tạo chuyên môn sâu về nghiệp vụ đánh giá, kiểm định chất lượng và khảo sát điều tra.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Nhà trường sẽ có kế hoạch cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn về nghiệp vụ đánh giá kiểm định chất lượng nhằm nâng cao năng lực triển khai các hoạt động đánh giá của đội ngũ cán bộ Trung tâm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.7: Tổ chức Đảng trong trường cao đẳng phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

1. Mô tả:

Đảng bộ trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại trực thuộc Đảng ủy Khối doanh nghiệp Thương mại tại Thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.07.01], có 07 chi bộ [H2.02.07.02], với tổng số Đảng viên là 105/262 cán bộ, viên chức. Mỗi chi bộ đều có Ban chấp hành và Bí thư phụ trách. Đảng ủy, Chi ủy luôn phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể, các tổ chức xã hội trong nhà trường. Ban chấp hành Đảng bộ trường có 09 đồng chí đều là cán bộ kiêm nhiệm có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo có uy tín đối với quần chúng và hầu hết các đồng chí này đều giữ chức vụ cao ở các đơn vị phòng, khoa trong Trường [H2.02.07.03].

Đảng bộ Trường đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo đối với chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội trong Nhà trường [H2.02.07.04] và có sự phân công trách nhiệm cho từng đồng chí trong Ban chấp hành Đảng bộ để theo dõi và chỉ đạo các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường [H2.02.07.05]. Đảng bộ trường luôn có sự chỉ đạo sát sao đối với các chi bộ và qui định định kỳ sinh hoạt của mỗi chi bộ là một tháng một lần để đánh giá quá trình thực hiện. Hằng năm các chi bộ đều có đánh giá và xếp loại đảng viên theo qui định [H2.02.07.06].

Đảng bộ Trường làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng viên và kết nạp Đảng viên mới theo chỉ tiêu hằng năm [H2.02.07.07]. Đảng bộ Trường đã xây dựng qui chế hoạt động theo qui định của Đảng ủy Khối [H2.02.07.08] và hoạt động trong khuôn khổ của hiến pháp và pháp luật, luôn được Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thương mại trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh trong nhiều năm liền [H2.02.07.09].

Tuy nhiên, trong công tác theo dõi và chỉ đạo đối với Đoàn thanh niên, hội học sinh - sinh viên chưa thật chặt chẽ và sát sao nên hiệu quả đạt được chưa cao.

2. Những điểm mạnh:

Đảng bộ có 105 Đảng viên/262 cán bộ, viên chức (chiếm tỉ lệ 40,08%) luôn phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động theo những quy định của Hiến pháp, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Là hạt nhân chính trị, là lực lượng nòng cốt, là đơn vị nhiều năm đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Nhà trường đạt tập thể lao động xuất sắc, cờ thi đua cấp Bộ, bằng khen của Bộ và của Thủ tướng Chính phủ trong nhiều năm liền.

Đảng bộ luôn lãnh đạo Trường thực hiện tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, lãnh đạo tốt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và học sinh – sinh viên được đảm bảo và nâng cao.

3. Những tồn tại:

Do các đồng chí được phân công phụ trách bận nhiều việc (công tác chuyên môn) nên công tác theo dõi và chỉ đạo đối với Đoàn thanh niên, Hội học sinh - sinh viên chưa thật chặt chẽ và sát sao nên hiệu quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Đảng bộ sẽ có kế hoạch kiểm tra các hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội học sinh - sinh viên để chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.8: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường cao đẳng góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả:

Các đoàn thể, tổ chức xã hội của trường gồm Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên thường xuyên ban hành nhiều Nghị quyết để góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật [H2.02.08.01].

Có ban hành quy định lịch sinh hoạt của các đoàn thể trong trường và trong khoa [H2.02.08.02].

Có đầy đủ báo cáo tổng kết công tác của từng đoàn thể trong trường hàng năm [H2.02.08.03], có báo cáo về số lượng quần chúng được kết nạp Đảng hàng năm [H2.02.08.04] và lịch tiếp công dân hằng tuần của Ban Giám Hiệu [H2.02.08.05], đã góp phần rất lớn vào việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H2.02.08.06], được tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp trên tặng thưởng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua [H2.02.08.07].

Tổ chức Công đoàn đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các phong trào thi đua trong cán bộ, viên chức và nhiều năm liền được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh [H2.02.08.08], nhiều tập thể và cá nhân nhận được nhiều Bằng khen, cờ thưởng của Công đoàn cấp trên: Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh, Công đoàn Công Thương Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam [H2.02.08.09]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường nhiều năm liền được công nhận là cơ sở Đoàn xuất sắc vững mạnh và được Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua. Đoàn đóng vai trò chủ chốt trong các hội thi Tài năng kinh tế đối ngoại hàng năm và các phong trào thi đua, hoạt động sinh viên tình nguyện, hoạt động xã hội, từ thiện trong học sinh – sinh viên nhà trường [H2.02.08.10].

Tuy nhiên, hoạt động của một vài bộ phận Tổ Công đoàn và một số Chi đoàn các lớp chưa thực sự mạnh nên đã ảnh hưởng đến công tác tổ chức phong trào.

2. Những điểm mạnh:

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường được tổ chức chặt chẽ và hoạt động có hiệu quả, nên đã góp phần xứng đáng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Các thành viên trong Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều là những cán bộ có năng lực, có uy tín được quần chúng tin nhiệm và bầu chọn.

3. Những tồn tại:

Hoạt động của các Tổ Công đoàn và các Chi đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở một vài bộ phận, và một số lớp chưa thực sự mạnh do các Tổ trưởng Công đoàn là kiêm nhiệm, nên bị chi phối nhiều bởi công tác chuyên

môn, Ban Chấp Hành Chi đoàn học sinh – sinh viên đa số còn chưa có kinh nghiệm trong công tác tổ chức phong trào.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Công Đoàn và Đoàn Thanh niên nhà Trường sẽ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Công đoàn và công tác Đoàn cho Tổ trưởng Công đoàn bộ phận và các Ban Chấp Hành Chi đoàn học sinh – sinh viên. Tập trung xét chọn, tuyển chọn những đoàn viên thực sự có năng lực và tâm huyết vào hàng ngũ lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 2.9: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo qui định của Điều lệ trường cao đẳng. Hiện nay trường có 37 cán bộ quản lý, trong đó có 5 tiến sĩ, 21 thạc sĩ, 11 cử nhân [H2.02.09.01]. Trường đã thực hiện tốt công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý: trưởng, phó các khoa, phòng, trung tâm và trưởng phó bộ môn đều có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn để tổ chức điều hành hoạt động nhà trường, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách [H02.02.09.02].

Cán bộ quản lý của trường đều có chuyên môn, nghiệp vụ để tổ chức điều hành các hoạt động của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao [H2.02.09.03]. Nhà trường luôn chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị cho cán bộ quản lý bằng cách tạo điều kiện thuận lợi để các cán bộ quản lý tham gia các lớp tập huấn, học tập để nâng cao trình độ [H2.02.09.04], đồng thời trường thường xuyên cử cán bộ quản lý đi công tác, học tập nước ngoài nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho công tác quản lý, đào tạo [H02.02.09.05].

Hàng năm, qua tổng kết, đánh giá của trường đội ngũ cán bộ quản lý đều hoàn thành nhiệm vụ được giao [H02.02.09.06] và được khen thưởng từ mức lao động tiên tiến trở lên, vì vậy nhiều tập thể và cá nhân được tặng thưởng bằng

khen cấp bộ, cấp thủ tướng, danh hiệu chiến sĩ thi đua, huân chương lao động [H02.02.09.07].

Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ, tin học theo nhiều cấp độ cho đội ngũ cán bộ, viên chức chưa được nâng cao.

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách.

Hàng năm thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, viên chức và khen thưởng.

3. Những tồn tại:

Do chưa có kế hoạch đề thường xuyên bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, tin học theo nhiều cấp độ cho đội ngũ cán bộ, viên chức để nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý điều hành.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, trường sẽ có kế hoạch bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý điều hành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Cơ cấu tổ chức trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại được thực hiện theo đúng quy định của Luật Giáo Dục, và Điều lệ trường Cao đẳng; đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Cơ cấu tổ chức được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận trong nhà trường.

Trường đã xây dựng khá đầy đủ hệ thống các văn bản quản lý để tổ chức quản lý các hoạt động trong nhà trường; các văn bản sau khi xây dựng được phổ biến đến các bộ phận trong nhà trường một cách đầy đủ và kịp thời. Do đó, các hoạt động trong nhà trường được thực hiện đồng bộ và nhanh chóng.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận, các tổ chức đoàn thể được xây dựng, và tổ chức thực hiện, đồng thời, được tổng kết đánh giá hàng năm một cách kịp thời để nhằm gắn chặt hơn nữa mối liên hệ giữa các tổ chức đoàn thể và chính quyền nhằm góp phần vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục

Mở đầu:

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo bậc cử nhân Cao đẳng chính qui, Trường chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống chương trình giáo dục có căn cứ khoa học, cơ sở pháp lý, hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tế của trường và nhu cầu của xã hội. Hiện nay, trường đã xây dựng được chương trình giáo dục cho 6 ngành học với 9 chuyên ngành, gồm: Ngành Kế toán (chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp), ngành Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Marketing Thương mại, Quản trị kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn, Quản trị kinh doanh xăng dầu), ngành Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp), ngành Hệ thống thông tin Quản lý (chuyên ngành Tin học Quản lý), Ngành Kinh doanh Quốc tế (chuyên ngành Kinh doanh Xuất Nhập khẩu) và Ngành Tiếng Anh (chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại). Chương trình giáo dục của Trường được xây dựng dựa vào chương trình khung do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành. Quá trình biên soạn có sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý và tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức và hội nghề nghiệp. Chương trình giáo dục của trường có kết cấu hợp lý, mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và nhu cầu của thị trường lao động. Nội dung chương trình được thiết kế theo hướng bảo đảm liên thông với các trình độ đào tạo và các chương trình giáo dục khác. Các học phần trong chương trình giáo dục có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được mục tiêu của học phần. Trong quá trình thực hiện, định kỳ 2 năm, trường điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến của Quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, sinh viên tốt

ng nghiệp và các tổ chức khác. Đồng thời, định kỳ Trường tiến hành đánh giá chương trình giáo dục và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá chương trình giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tiêu chí 3.1: Chương trình giáo dục của trường cao đẳng được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định.

1. Mô tả:

Chương trình giáo dục bậc cao đẳng chính qui của Trường được xây dựng dựa trên cơ sở chương trình khung ngành Kế toán, ngành Quản trị kinh doanh ban hành theo quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.01.01]; chương trình khung ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành theo quyết định số 10/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 04 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.01.02]. Trên cơ sở chương trình khung này, Trường đã ban hành chương trình giáo dục cho các chuyên ngành đào tạo của trường theo quyết định số 217/CKĐ-QĐ ngày 23/06/2008 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại về việc ban hành chương trình đào tạo bậc cao đẳng chính qui chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp Thương mại, Quản trị kinh doanh Xăng dầu, Marketing Thương mại, Quản trị kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn, Kế toán doanh nghiệp Thương mại, Tài chính doanh nghiệp và Tin học quản lý [H3.03.01.03] và quyết định số 328/CKĐ-QĐ ngày 07/09/2009 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại ban hành chương trình giáo dục chuyên ngành Kế toán và Tài chính doanh nghiệp đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H3.03.01.04]. Nội dung các chương trình giáo dục này được công bố trên website của trường tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> [H3.03.01.05]. Chương trình giáo dục chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại và Kinh doanh Xuất Nhập khẩu của trường dựa trên cơ sở chương trình được Bộ phê duyệt trong quyết định cho phép trường mở ngành đào tạo [H3.03.01.06] [H3.03.01.07].

Để thực hiện nhiệm vụ xây dựng chương trình giáo dục, trường đã thành lập Hội đồng khoa học [H2.02.03.01]. Trong quá trình nghiên cứu xây dựng chương trình giáo dục, Hội đồng khoa học đã xây dựng chương trình dự thảo, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của giảng viên, cán bộ quản lý các Khoa, Bộ môn, các phòng chức năng của trường cho chương trình dự thảo [H3.03.01.08]. Trường cũng tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động như Công ty cổ phần thương mại Phú nhuận, Công ty xăng dầu khu vực 2, Công ty SABECO,..., đại diện các tổ chức và hội nghề nghiệp trong hội thảo chuyên đề “Đào tạo theo nhu cầu xã hội” [H3.03.01.09]. Dựa trên các ý kiến góp ý, Hội đồng khoa học hoàn thiện chương trình dự thảo và trình Ban Giám Hiệu ban hành chương trình giáo dục chính thức để áp dụng thống nhất trong toàn trường.

Mặc dù chương trình giáo dục của trường đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội nhưng việc thu thập ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức, hội nghề nghiệp trong quá trình biên soạn chương trình giáo dục mới chỉ thực hiện được ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chưa triển khai đến các tỉnh lân cận như Bà Rịa -Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ,...

2. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được cụ thể hóa cho từng chuyên ngành đào tạo, được sự đóng góp ý của giảng viên các Khoa, các Bộ môn, các phòng ban chức năng trong nhà trường một cách khoa học và ý kiến góp ý thu thập được từ các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức và hội nghề nghiệp. Nhờ đó, chương trình giáo dục của trường vừa bảo đảm tính khoa học, vừa bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của trường và nhu cầu của xã hội.

3. Những tồn tại:

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức và hội nghề nghiệp ở các tỉnh như Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ,...còn một số hạn chế là do khó khăn về kinh phí triển khai và nhân lực thực hiện.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ triển khai chương trình khảo sát lấy ý kiến góp ý cho chương trình giáo dục của trường từ đại diện các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động ở các tỉnh như Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang,...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 3.2: Chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

Chương trình giáo dục của Trường có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể về các mặt: phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, kiến thức và kỹ năng tương ứng với chuyên ngành đào tạo và vị trí làm việc, khả năng tự học tập để nâng cao trình độ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc trong điều kiện hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường. [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Chương trình giáo dục được cấu trúc hợp lý giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, giữa lượng kiến thức tối thiểu theo qui định và lượng kiến thức bổ trợ, kiến thức ngành, chuyên ngành phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Việc sắp xếp tiến độ giảng dạy các học phần theo học kỳ và năm học bảo đảm tính logic về nội dung và điều kiện học tập của các học phần [H3.03.02.01].

Để thực hiện chủ trương lớn của Đảng và nhà nước là xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, chương trình giáo dục của Trường được thiết kế một cách hệ thống theo hướng bảo đảm tính liên thông giữa các bậc học trong phạm vi các chương trình giáo dục của trường và với các chương trình giáo dục khác [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Chương trình giáo dục của Trường đã từng bước chuẩn hóa tên gọi các học phần, phân chia nội dung các học phần một cách khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho người học tích lũy kiến thức trong quá trình học tập [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Để có cơ sở xác định yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục, Trường đã ban hành qui định về chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp bậc Cao đẳng theo quyết định 321/QĐ-CKĐ ngày 29/06/2010 của Hiệu trưởng. Qui định nêu rõ những yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng (gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), thái độ, vị trí làm việc và khả năng học tập nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp đối với 6 ngành học gồm: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh doanh Quốc tế, Quản trị Kinh doanh, Hệ thống Thông tin quản lý và Tiếng Anh [H3.03.02.02]. Qua ý kiến đóng góp của sinh viên trong các buổi gặp gỡ giữa đại diện sinh viên và Ban giám hiệu [H3.03.02.03] và qua khảo sát ý kiến của sinh viên tốt nghiệp [H3.03.02.04] cho thấy chương trình giáo dục của trường đã đáp ứng được yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo bậc cao đẳng.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ, Trường đã xây dựng chương trình giáo dục chi tiết cho các chuyên ngành [H3.03.01.03], [H3.03.01.04] và trong quá trình thực hiện đã kịp thời bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục chuyên ngành Tiếng Anh [H3.03.02.05] và chuyên ngành Kinh doanh Xuất Nhập khẩu [H3.03.02.06], điều chỉnh nội dung và khối lượng một số học phần [H3.03.02.07] nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu linh hoạt của thị trường lao động. Qua hội thảo chuyên đề “Đào tạo theo nhu cầu xã hội”, Trường đã thu thập được nhiều ý kiến của đại diện đơn vị tuyển dụng lao động như Công ty dệt may Phước Long, Công ty Xuất khẩu thuốc lá, Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận, Công ty Xăng dầu khu vực 2,... về khả năng đáp ứng nhu cầu linh hoạt của thị trường lao động đối với sinh viên của trường và nhu cầu của thị trường lao động để kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục cho phù hợp [H3.03.01.09].

Mặc dù chương trình giáo dục của Trường đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội nhưng việc lấy ý kiến phản hồi của đại diện các nhà tuyển dụng lao động, của sinh viên, cựu sinh viên nhằm đánh giá một cách khách quan khả năng đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động đối với chương trình giáo dục chưa được tiến hành một cách hệ

thống, đối tượng khảo sát chủ yếu còn ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của trường có mục tiêu đào tạo cụ thể, rõ ràng; có cơ cấu giữa các khối kiến thức hợp lý; bảo đảm tính hệ thống giữa các khối kiến thức, giữa các bậc học; đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản về chuẩn kiến thức, kỹ năng sinh viên cần tích lũy và nhu cầu linh hoạt của thị trường lao động trong từng thời kỳ.

3. Những tồn tại:

Việc thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, người tuyển dụng lao động nhằm đánh giá chương trình giáo dục chưa được tiến hành hệ thống và chưa triển khai rộng đến các tỉnh như Đồng Nai, Long An, Tiền Giang,...do lực lượng nghiên cứu và kinh phí triển khai còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012 - 2013, Trường sẽ triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, sinh viên và cựu sinh viên các tỉnh như Long An, Tiền Giang, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu về sự phù hợp của chương trình giáo dục hiện hành đối với nhu cầu của thị trường lao động, về mức độ đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp, về các nhu cầu hiện nay của thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 3.3: Các học phần, môn học trong chương trình giáo dục có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo, đáp ứng mục tiêu của học phần, môn học.

1. Mô tả:

Các học phần, môn học trong chương trình giáo dục của nhà Trường đều có đủ đề cương chi tiết để đáp ứng công tác giảng dạy, học tập của học sinh – sinh viên và được lưu trữ bởi Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác Quốc tế [H3.03.03.01]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường vẫn tổ chức biên soạn mới hoặc biên soạn lại các đề cương chi tiết môn học không còn đáp ứng với mục tiêu mới của đào tạo [H3.03.03.02].

Sau khi được Hội đồng Khoa học Trường thông qua, các đề cương chi tiết của toàn bộ học phần, môn học trong chương trình giáo dục đều được viết thành tập bài giảng hoặc giáo trình để học sinh – sinh viên học tập và nghiên cứu [H3.03.03.03]. Tài liệu tham khảo cho các học phần, môn học của Trường rất phong phú, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh – sinh viên và được lưu trữ tại Thư viện của Trường [H3.03.03.04].

Mục tiêu đào tạo của các chuyên ngành trong chương trình giáo dục đều được xác định rõ ràng và cụ thể; nhờ đó mà các đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình và tài liệu tham khảo đã đáp ứng được mục tiêu đào tạo của Trường đề ra [H3.03.03.05]. Bên cạnh đó, nhà Trường ngày càng hoàn thiện hơn nữa đề cương chi tiết học phần, môn học, tập bài giảng và giáo trình nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của nhà trường hiện tại và tương lai [H3.03.03.06].

Tuy nhiên, còn một số học phần, môn học chưa có giáo trình hoàn chỉnh để phục vụ công tác học tập của học sinh – sinh viên.

2. Những điểm mạnh:

Các học phần, môn học trong chương trình giáo dục của Trường có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo, đáp ứng mục tiêu của từng học phần, môn học và mục tiêu đào tạo của nhà Trường.

3. Những tồn tại:

Một số học phần, môn học chưa có giáo trình hoàn chỉnh như: Toán Tài chính, Kế toán ngân hàng....do giáo viên được phân công biên soạn chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đã quy định.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Nhà Trường sẽ có kế hoạch đề đôn đốc giáo viên hoàn thành tốt việc biên soạn giáo trình các học phần, môn học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 3.4: Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và

các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Trong quá trình đào tạo, Trường thực hiện bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục định kỳ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương và ngành Công thương trong từng thời kỳ. Cụ thể, Trường đã lần lượt ban hành chương trình giáo dục bậc Cao đẳng chính qui theo các quyết định số 158/CKĐ-QĐ ngày 4/9/2003 [H3.03.04.01], quyết định số 162/CKĐ-QĐ ngày 06/06/2007 [H3.03.04.02] và quyết định số 217/CKĐ-QĐ ngày 23/06/2008 **[H3.03.01.03]**. Trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục, Trường rất chú trọng lấy ý kiến phản hồi của người học, của giảng viên và các Bộ môn để kịp thời điều chỉnh chương trình giáo dục đã ban hành cho phù hợp. Trường đã có quyết định số 318/CKĐ-QĐ ngày 23/06/2008 **[H3.03.02.05]** ban hành chương trình giáo dục sửa đổi chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại và và quyết định số 529/CKĐ-QĐ ngày 05/11/2008 ban hành chương trình giáo dục sửa đổi chuyên ngành Quản trị kinh doanh Xuất Nhập khẩu **[H3.03.02.06]**. Trường cũng đã kịp thời điều chỉnh nội dung và khối lượng giảng dạy một số học phần trong chương trình giáo dục chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại và Tài chính doanh nghiệp **[H3.03.02.07]**. Năm 2009, thực hiện chủ trương của Bộ giáo dục và đào tạo về việc chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường đã ban hành chương trình giáo dục chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Tài chính doanh nghiệp bậc Cao đẳng hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo quyết định số 328/CKĐ-QĐ ngày 07/09/2009 **[H3.03.01.04]**.

Trong xu thế hội nhập quốc tế, Trường đã tham khảo chương trình giáo dục của William Rainey Harper College-USA, Broward Community College-USA, Rajamanagala Institute of Technology-Thailand để điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục của trường [H3.03.04.03].

Để điều chỉnh và bổ sung chương trình giáo dục cho phù hợp với thực tế, Trường đã thu thập ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động (Công ty dệt

may Phước Long, Công ty Xuất khẩu thuốc lá, Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận, Công ty Xăng dầu Khu vực 2,...), thông qua hội thảo chuyên đề “Đào tạo theo nhu cầu xã hội” [H3.03.01.09], kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên tốt nghiệp [H3.03.02.04] và ý kiến phản hồi của các tổ chức giáo dục về chương trình giáo dục [H3.03.02.08].

Trong nhiều năm qua, sinh viên tốt nghiệp của Trường đã đáp ứng được nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế xã hội của các địa phương có sinh viên theo học và của ngành Công thương. Các chuyên ngành đào tạo của trường như Quản trị kinh doanh Xuất Nhập khẩu, Kế toán Doanh nghiệp Thương mại, Quản trị Kinh doanh Xăng dầu..., được xã hội đánh giá cao [H3.03.04.04].

Mặc dù Trường đã thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục định kỳ và chương trình giáo dục của Trường đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội nhưng việc tổ chức lấy kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng lao động, tổ chức giáo dục còn giới hạn ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chưa mở rộng cho các tỉnh lân cận như Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ,...

2. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của Trường được định kỳ bổ sung và điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp, chương trình đào tạo tiên tiến của quốc tế, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của ngành Công thương.

3. Những tồn tại:

Do lực lượng làm công tác khảo sát thu thập dữ liệu ít nên việc triển khai chương trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng lao động về chương trình giáo dục chưa mở rộng cho các tỉnh như Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ,...

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, trường sẽ tăng cường nhân lực và triển khai kế hoạch khảo sát lấy ý kiến đóng góp cho chương trình giáo dục của Trường từ

sinh viên tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng lao động tại các tỉnh như Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ, Tiền Giang ,...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 3.5: Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.

1. Mô tả:

Thực hiện chủ trương của Bộ giáo dục và đào tạo, chương trình giáo dục của Trường được thiết kế theo hướng bảo đảm liên thông giữa các trình độ đào tạo. Trên cơ sở quy định đào tạo liên thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.05.01], từ năm học 2006-2007, Trường đã xây dựng chương trình giáo dục bậc Cao đẳng liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp Thương mại, Marketing Thương mại và Quản trị kinh doanh Xuất Nhập khẩu hệ chính quy và vừa làm vừa học theo nguyên tắc bảo đảm tính khoa học, logic giữa các trình độ đào tạo nhằm giúp cho người học thuận lợi trong việc tích lũy và tiếp thu kiến thức một cách hệ thống [H3.03.05.02].

Ngoài hướng thiết kế liên thông giữa các trình độ đào tạo, chương trình giáo dục của trường còn được xây dựng nhằm mục đích liên thông với các chương trình giáo dục khác. Sinh viên các chuyên ngành có nội dung đào tạo gần nhau được đăng ký dự thi vào chương trình liên thông của Trường sau khi học bổ sung khối lượng kiến thức cần thiết [H3.03.05.03]. Kế hoạch đào tạo liên thông của Trường được công bố trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H3.03.05.03] và trên website tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> [H3.03.05.04]. Sinh viên của trường, sau khi tốt nghiệp, có thể theo học chương trình liên thông trình độ đại học của các trường đại học khác như Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế, ... [H3.03.05.05].

Hiện tại, các chương trình giáo dục liên thông của Trường chưa được triển khai theo học chế tín chỉ theo chủ trương chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những điểm mạnh:

Dựa trên những qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã xây dựng được chương trình giáo dục theo hướng liên thông giữa các trình độ đào tạo và các chương trình giáo dục khác; đồng thời triển khai thực hiện tốt kế hoạch đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy và vừa làm vừa học. Qui mô tuyển sinh bậc Cao đẳng liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp của trường ngày càng tăng và đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

3. Những tồn tại:

Trường chưa xây dựng được chương trình giáo dục Cao đẳng liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp đào tạo theo học chế tín chỉ do hiện nay Trường đang trong giai đoạn tổ chức đào tạo thí điểm bậc Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012 - 2013, sau khi tổ chức rút kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ ở bậc Cao đẳng hệ chính quy, Trường sẽ triển khai xây dựng chương trình giáo dục Cao đẳng liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp đào tạo theo hệ thống tín chỉ và tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chương trình giáo dục theo hướng bảo đảm liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên cao đẳng và từ trình độ cao đẳng lên đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 3.6: Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các đối tượng có liên quan nhằm đánh giá chương trình giáo dục để có cơ sở đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng [H3.03.06.01]. Cuối mỗi năm học, Trường tiến hành thu thập ý kiến của giảng viên các Khoa, Bộ môn và các cán bộ của các bộ phận chức năng trong trường về đánh giá chương trình giáo dục trên các mặt kế hoạch đào tạo và chương trình chi tiết [H3.03.06.02]. Ngoài ra, trường còn dựa vào các ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng trong hội thảo “Đào tạo theo nhu cầu xã hội” để đánh giá chính xác hơn sự phù hợp của

chương trình giáo dục so với nhu cầu thực tiễn [H3.03.06.03]. Sau khi đánh giá, Trường thực hiện bổ sung, điều chỉnh và ban hành chương trình giáo dục sửa đổi trên cơ sở kết quả đánh giá [H3.03.06.04].

Dựa vào kết quả đánh giá chương trình giáo dục, Trường đã tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy và học trong giảng viên, sinh viên [H3.03.06.05] và hội thảo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy [H3.03.06.06] nhằm cải tiến phương pháp dạy và học phù hợp với nội dung đổi mới chương trình giáo dục.

Mặc dù Trường đã thực hiện biện pháp cải tiến chất lượng trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy nhưng một số giảng viên chưa sử dụng tốt các công cụ công nghệ thông tin này.

2. Những điểm mạnh:

Chương trình giáo dục của trường được đánh giá định kỳ theo năm học và căn cứ vào kết quả đánh giá, Trường đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Những tồn tại:

Một số giảng viên chưa sử dụng tốt các công cụ công nghệ thông tin áp dụng trong giảng dạy là do kiến thức về công nghệ thông tin còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ tổ chức các lớp tập huấn về việc áp dụng công cụ công nghệ thông tin trong giảng dạy phù hợp với yêu cầu của chương trình giáo dục cải tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Chương trình giáo dục của Trường có mục tiêu đào tạo cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống theo hướng bảo đảm liên thông giữa các trình độ đào tạo và các chương trình giáo dục khác trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình thực hiện, Trường định kỳ bổ sung và điều chỉnh nội dung chương trình giáo dục, thực hiện đánh giá và đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng trên cơ sở đánh giá.

Việc xây dựng, bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục của Trường có sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý, ý kiến phản hồi của đại diện các tổ chức giáo dục, các nhà tuyển dụng lao động và sinh viên tốt nghiệp.

Các học phần, môn học trong chương trình giáo dục có đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng hoặc giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được mục tiêu của học phần, môn học.

Chương trình giáo dục của Trường đã đáp ứng được chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo Cao đẳng và nhu cầu linh hoạt nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội của ngành Công Thương và của địa phương.

Việc thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức và hội nghề nghiệp trong quá trình xây dựng, bổ sung và điều chỉnh trình giáo dục chưa được triển khai rộng đến các tỉnh như Đồng Nai, Long An, Tiền Giang,...

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã và đang thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo; mở rộng liên kết đào tạo với các ngành, địa phương nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và đáp ứng nhu cầu của người học.

Trong quá trình thực hiện đào tạo, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học thực hiện tích lũy kiến thức, trong những năm vừa qua, nhà trường đã thực hiện mềm dẻo 2 phương thức đào tạo theo niên chế học phần và học chế tín chỉ. Từ năm học 2011 - 2012 trở đi nhà trường áp dụng một phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ để thực hiện đào tạo đối với bậc Cao đẳng chính qui.

Một trong những nhiệm vụ nhà trường rất quan tâm chỉ đạo là tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Tích cực sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; tăng cường việc giám sát trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập nhằm đảm bảo tính khách quan và đánh giá đúng năng lực học tập của người học.

Tiêu chí 4.1: Công tác tuyển sinh được bảo đảm thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.01], Trường tổ chức thi tuyển và xét tuyển bảo đảm thực hiện công bằng cho các đối tượng theo quy chế [H4.04.01.02]. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh, hướng dẫn về đối tượng tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường ra thông báo tuyển sinh [H4.04.01.03], quy định đối tượng được tuyển thẳng, được ưu tiên xét tuyển vào trường [H4.04.01.04]. Sau khi có kết quả thi, căn cứ quy định điểm sàn Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường xây dựng phương án điểm chuẩn cho thí sinh khối A và khối D1 [H4.04.01.05], đồng thời xác định điểm trúng tuyển ưu tiên theo quy định của Trường [H4.04.01.06]. Sau khi công bố kết quả thi, Trường thông báo trên website tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> về việc nhận hồ sơ phúc khảo điểm thi [H4.04.01.07]. Trường tổ chức chấm phúc khảo cho thí sinh có yêu cầu [H4.04.01.08] và công bố kết quả phúc khảo cho thí sinh đúng quy chế [H4.04.01.09], đồng thời gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh có kết quả phúc khảo đủ điều kiện trúng tuyển [H4.04.01.10]. Danh sách thí sinh trúng tuyển theo đối tượng được Trường ra quyết định công nhận trúng tuyển [H4.04.01.11] và được thể hiện trong báo cáo kết quả tuyển sinh gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.12]. Trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, Trường thường xuyên kiểm tra hồ sơ dự tuyển và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm quy chế tuyển sinh nếu phát hiện được [H4.04.01.13].

Ngoài việc bảo đảm thực hiện công bằng, công tác tuyển sinh của Trường còn bảo đảm thực hiện khách quan theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin tuyển sinh của Trường được công bố trong tài liệu “Những điều cần biết” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành hàng năm [H4.04.01.14]. Thông báo tuyển sinh, thông báo về tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được Trường công khai trên website tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> [H4.04.01.15]. Để chỉ đạo thực hiện công tác tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh

và các ban chuyên môn đúng thành phần theo quy chế [H4.04.01.16]. Trường cũng xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh chi tiết, trong đó phân công nhân sự thực hiện từng khâu đảm bảo bố trí đủ, không trùng nhân sự trong các công việc có yêu cầu thực hiện độc lập để bảo đảm tính khách quan như tách biệt nhân sự khâu chấm thi và làm phách, khâu chấm thi có cán bộ giám sát thường xuyên [H4.04.01.17]. Trong các công việc liên quan đến an ninh và bảo mật Trường phối hợp với cơ quan Công An cử cán bộ giám sát [H4.04.01.18]. Trong khâu chấm thi, Trường ký hợp đồng với giáo viên chấm thi hoặc đơn vị chấm thi đủ tiêu chuẩn [H4.04.01.19], biên soạn tài liệu tập huấn công tác chấm thi, bố trí công tác chấm thi bảo đảm 2 vòng độc lập tại các hội trường khác nhau [H4.04.01.20]. Công tác tuyển sinh của trường được tổ thành tra tuyển sinh do Ban Giám Hiệu thành lập giám sát thường xuyên [H4.04.01.21]. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Trường thành lập tổ hậu kiểm và kiểm tra công tác tuyển sinh để kiểm tra toàn diện công tác tuyển sinh của trường [H4.04.01.22]. Công tác tuyển sinh của Trường được đoàn thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương ghi nhận và đánh giá cao [H4.04.01.23].

Mặc dù đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh ở các khâu đảm bảo công bằng và khách quan, nhưng trong khâu chấm thi môn trắc nghiệm, Trường chưa tham gia giám sát chấm thi cùng với đơn vị chấm thi.

2. Những điểm mạnh:

Công tác tuyển sinh của trường từ khâu lập kế hoạch, chuẩn bị, tổ chức thi, xét trúng tuyển, gọi nhập học được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những tồn tại:

Trong công tác chấm thi trắc nghiệm cùng với Cục Khảo thí, Trường chưa tham gia giám sát công tác chấm thi là do trường không nhận được yêu cầu và kế hoạch chấm thi của đơn vị chấm thi.

4. Kế hoạch hành động:

Từ kỳ tuyển sinh năm 2013, Trường sẽ chủ động phối hợp với đơn vị chấm thi trắc nghiệm để tham gia giám sát việc chấm thi.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 4.2: Công khai số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp và có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

1. Mô tả:

Hàng năm, sau khi có kết quả thi tốt nghiệp, Hội đồng thi tốt nghiệp của Trường họp xét công nhận và xếp loại tốt nghiệp [H4.04.02.01]. Sau đó Trường công bố kết quả phân loại tốt nghiệp theo hạng và chuyên ngành đào tạo trên các bảng thông tin [H4.04.02.02], trên website tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> [H4.04.02.03], trong báo cáo tốt nghiệp gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương theo quy định [H4.04.02.04] và được tổng hợp trong báo cáo tổng kết cuối mỗi năm học của Trường [H4.04.02.05]. Tính trung bình trong 5 năm qua, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại khá giỏi của trường là 19,66%, trung bình khá là 73,62% và trung bình là 6,71%, chuyên ngành Quản trị kinh doanh Xuất Nhập khẩu chiếm 41,75%, Quản trị Doanh nghiệp Thương mại chiếm 11,34%, Kế toán Doanh nghiệp Thương mại chiếm tỷ lệ 29,93%,...[H4.04.02.06]

Ngoài việc công khai số liệu người tốt nghiệp, Trường còn tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người học đã tốt nghiệp bằng cách thăm dò trên website và lấy ý kiến qua phiếu khảo sát để có căn cứ điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục và xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp với thực tế. Theo số liệu thăm dò tổ chức trên website tại <http://www.ktdn.edu.vn>, trong tổng số 11.219 bầu chọn, có 70,45% số sinh viên tốt nghiệp làm việc đúng chuyên ngành và 11,9% làm việc không đúng chuyên ngành [H4.04.02.07]. Để khảo sát việc làm của người tốt nghiệp qua phiếu khảo sát, Trường đã lập kế hoạch khảo sát cụ thể [H4.04.02.08], kết quả khảo sát được tổng hợp, lưu tại “Trung tâm tư vấn & hỗ trợ học sinh – sinh viên” của Trường [H4.04.02.09] và công bố trên website tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> [H4.04.02.10].

Mặc dù Trường đã triển khai kế hoạch tổ chức khảo sát để thu thập số liệu người học đã tốt nghiệp có việc làm nhưng chưa được thường xuyên.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã thực hiện công khai số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp theo hạng tốt nghiệp và chuyên ngành. Bước đầu Trường đã triển khai khảo sát tình hình việc làm của người tốt nghiệp, nhằm thu thập số liệu thống kê về người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo để có cơ sở điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục và xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp với thực tế.

3. Những tồn tại:

Việc tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người tốt nghiệp tiến hành chưa được thường xuyên là do Trường không có nhân sự chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ này.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012-2013 Trường sẽ có kế hoạch phân công nhân sự chuyên trách và tổ chức khảo sát số liệu hàng năm về người tốt nghiệp có việc làm và có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo để kịp thời công khai số liệu thống kê việc làm của người tốt nghiệp theo yêu cầu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 4.3: Tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục của trường đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

1. Mô tả:

Với mục tiêu đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng tự học, kỹ năng giao tiếp, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn [H4.04.03.01], Trường đã cụ thể hóa mục tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc cao đẳng [H4.04.03.02]. Đồng thời, Trường đã ban hành qui định chuẩn đầu ra đối với học sinh - sinh viên tốt nghiệp bậc trung cấp chuyên nghiệp và bậc cao đẳng nhằm để khẳng định khả năng của học sinh - sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường [H4.04.03.03].

Trên cơ sở chương trình giáo dục đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, vào đầu mỗi năm học, Trường xây dựng kế hoạch giảng dạy toàn khoá cho các chuyên ngành và phân bổ cho các khoa để tổ chức thực hiện

[H4.04.03.04]. Các Khoa lập kế hoạch phân công giảng viên phụ trách các học phần và sau đó chuyển về cho Phòng Đào tạo để tổng hợp chung [H4.04.03.05]. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, các Khoa lập thời khoá biểu hàng tuần để giảng viên, sinh viên thực hiện [H4.04.03.06].

Mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục của Trường hiện nay phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực. Để ngày càng đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, Trường luôn luôn chủ động và linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện mục tiêu và chương trình giáo dục. Từ đầu khoá học và đầu mỗi năm học, trong chương trình sinh hoạt công dân, Trường đã dành thời gian trao đổi với sinh viên những thông tin cần thiết cho từng chuyên ngành đào tạo [H4.04.03.07]. Để tạo điều kiện cho sinh viên bồi dưỡng kỹ năng Ngoại ngữ, Tin học ngoài chương trình chính khoá, Trường thành lập Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học Kinh tế đối ngoại với những chế độ ưu đãi và bố trí thời gian thích hợp dành cho học viên là sinh viên của Trường theo học [H4.04.03.08]. Trường cũng thành lập Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ học sinh – sinh viên để có cơ sở thực hiện các hoạt động hỗ trợ kỹ năng mềm tạo bước chuẩn bị về phương pháp giao tiếp, làm việc [H4.04.03.09]. Những hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng lao động của xã hội do Trường thực hiện đã được các nhà tuyển dụng lao động đánh giá cao [H4.04.03.10].

Công tác tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động về nội dung chương trình giáo dục để tổ chức đào tạo ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của xã hội chưa được tổ chức thường xuyên.

2. Những điểm mạnh:

Việc tổ chức lấy ý kiến nhà tuyển dụng về nội dung chương trình giáo dục để tổ chức đào tạo ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

3. Những tồn tại:

Công tác tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động về nội dung chương trình giáo dục để tổ chức đào tạo ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của xã hội chưa được tổ chức thường xuyên do chưa có nhân sự

chuyên trách.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012 – 2013 Trường sẽ phân công nhân sự chuyên trách để tổ chức khảo sát lấy ý kiến giảng viên, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng nhằm tổ chức hoạt động đào tạo tốt hơn, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 4.4: Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

1. Mô tả:

- Đổi mới phương pháp dạy và học luôn được nhà trường quan tâm, thực hiện qua các buổi Hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, qua đó giúp cho giảng viên rút kinh nghiệm phương pháp giảng dạy của mình [H4.04.04.01].

Trường đã triển khai kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học bằng việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H4.04.04.02]. Đây là phương thức đào tạo chủ động, hiệu quả và có nhiều ưu điểm hơn so với đào tạo theo niên chế.

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ không giới hạn thời gian học tập, quy trình đào tạo mềm dẻo, chương trình môn học hợp lý tạo cơ hội cho người học chủ động hơn trong học tập, tạo cho người học tự nghiên cứu [H4.04.04.03].

- Tinh thần hợp tác của người học thực hiện qua các buổi thuyết trình (tại lớp học) theo đề tài hướng dẫn của giáo viên. Đồng thời, người học viết các bài tiểu luận chuyên đề để báo cáo kết quả tự nghiên cứu của mình theo hướng dẫn của giáo viên, và tích cực tham dự các buổi đối thoại với lãnh đạo nhà trường để đóng góp ý kiến cho trường ngày càng giảng dạy được tốt hơn.

2. Những điểm mạnh:

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ để lập kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, áp dụng cho bậc Cao đẳng hệ chính quy.

Đa số Giáo viên nhiệt tình đối với việc đổi mới phương pháp dạy học, nhận thức của Giáo viên trong việc tích cực hóa việc dạy học là tốt, nhiều

giáo viên triển khai các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực và hợp tác của người học.

3. Những tồn tại:

Còn một số người học thiếu tinh thần tự giác, thiếu tính hợp tác, chưa tự học, tự nghiên cứu, nên chưa tiếp cận được phương pháp đào tạo mới này.

Cố vấn học tập chưa thường xuyên tiếp cận với người học trong quá trình quản lý lớp.

4. Kế hoạch hành động:

Trường sẽ lên kế hoạch tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập. Đồng thời qui định cho cố vấn học tập phải thường xuyên tiếp cận với lớp, động viên hướng dẫn phương pháp học tập, tạo khả năng tiếp cận, với tinh thần tự giác học tập, tự nghiên cứu, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định kế hoạch học tập cho cá nhân. Phát động phong trào đổi mới phương pháp dạy và học trong giảng viên và sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 4.5: Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

1. Mô tả:

Đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học luôn được nhà trường quan tâm và có tầm quan trọng trong quá trình dạy và học. Những quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được nhà trường thực hiện đúng theo quy chế 04/1999/QĐ-BGD&ĐT chương II, III (từ năm 2006 trở về trước) và Quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT đối với hệ chính quy tập trung và tại chức, Quy chế 3676/GD-ĐT chương II và IV đối với hệ không chính quy, cũng như tại các quy định cụ thể hóa quy chế được áp dụng tại trường [H4.04.05.01].

Việc đổi mới phương pháp đánh giá kết quả của người học được thực hiện qua hình thức thi như: trắc nghiệm, tự luận với trắc nghiệm,

tự luận không tham khảo tài liệu.

Bên cạnh đó việc đánh giá kết quả không chỉ căn cứ vào kết quả kỳ thi mà còn căn cứ vào quá trình học tập trong suốt thời gian ở lớp [H4.04.05.02].

Phương pháp và quy trình kiểm tra được đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan không để xảy ra sai sót trong quá trình coi và chấm thi, từ đó tạo sự công bằng và phù hợp với hình thức học tập và đặc thù môn học [H4.04.05.03].

Để đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo trường đã thực hiện thống nhất theo quy chế đối với các hình thức đào tạo.

Tuy nhiên hiện nay trường chưa có ngân hàng đề thi và Phòng Khảo thí nhằm chuyên môn hóa quy trình kiểm tra thi và đánh giá.

2. Những điểm mạnh:

Trường thực hiện đa dạng về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo phù hợp với các hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù môn học, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học.

3. Những tồn tại:

Hiện nay chưa xây dựng được ngân hàng đề thi vì Trường đang chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang hình thức đào tạo tín chỉ, và chưa thành lập Phòng Khảo thí để nhằm chuyên môn hóa quy trình kiểm tra thi và đánh giá.

4. Kế hoạch hành động:

Trong giai đoạn 2012 – 2015 Trường sẽ hoàn thiện chương trình đào tạo tín chỉ, xây dựng ngân hàng đề thi và thành lập Phòng Khảo thí để thống nhất quy trình đánh giá kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 4.6: Đảm bảo an toàn, chính xác trong lưu trữ kết quả học tập của người học.

1. Mô tả:

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác quản lý đào tạo, quản lý điểm bài kiểm tra, điểm thi học phần, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

[H4.04.06.01]. Xử lý lưu trữ kết quả học tập của người học một cách an toàn chính xác theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.06.02]. Trường có hệ thống sổ sách quản lý kết quả học tập của từng học phần, từng học kỳ, từng năm học, từng khóa học [H4.04.306.03].

Khi kết thúc một học kỳ, năm học, kết thúc khóa học trường công khai điểm cho người học [H4.04.06.04], cấp bằng điểm toàn khóa, lưu dữ liệu lên đĩa CDROM [H4.04.06.05]. Trường có hệ thống sổ sách lưu trữ việc cấp phát bằng tốt nghiệp và chứng chỉ rõ ràng và được lưu trữ cho từng khóa tốt nghiệp [H4.04.06.06], khi người học có thắc mắc về kết quả học tập thì được giải đáp tại Khoa và Phòng Đào tạo theo đúng qui chế. Không có trường hợp thất lạc điểm thi, văn bằng tốt nghiệp trong quá trình cấp phát [H4.04.06.07]. Người học có thể tra cứu kết quả học tập của mình trên trang web của trường tại địa chỉ www.ktdn.edu.vn. Nhà trường có mạng nội bộ để các Khoa trao đổi thông tin, kết quả học tập của người học [H4.04.06.08].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có phần mềm chuyên dùng quản lý học sinh - sinh viên trong toàn trường để quản lý kết quả học tập của người học.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống sổ sách để quản lý, lưu trữ kết quả học tập của người học một cách an toàn, đảm bảo chính xác.

3. Những tồn tại:

Do kinh phí còn hạn chế nên Nhà trường chưa trang bị phần mềm chuyên dùng để quản lý học sinh - sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ lập kế hoạch trang bị phần mềm chuyên dùng để quản lý học sinh - sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 4.7: Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo qui định và được công bố trên trang thông tin điện tử của trường.

1. Mô tả:

Nhằm đảm bảo thông báo kịp thời kết quả học tập cho người học, Trường đã ban hành quy định cụ thể về thời gian chấm thi và trả kết quả thi kết thúc học phần [H4.04.07.01]. Sau khi có điểm thi kết thúc học phần, bảng điểm học phần được công bố công khai cho người học trên hệ thống bảng thông báo [H4.04.07.02] và trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> tại mục kết quả học tập [H4.04.07.03]. Những thắc mắc và khiếu nại của người học về kết quả học tập được Trường tiếp nhận, giải quyết và công bố kết quả kịp thời theo quy định về việc phúc tra và phúc khảo điểm thi học phần của Trường [H4.04.07.04]. Sau khi kết thúc chương trình học, Trường tổng hợp kết quả học tập học kỳ I, học kỳ II và toàn khoá học, sau đó sẽ công bố rộng rãi cho người học trên bảng thông báo để kịp thời xử lý những nhầm lẫn về điểm thi, điểm trung bình (nếu có) trước khi trình hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp [H4.04.07.04]. Kết quả xét điều kiện dự thi tốt nghiệp được công bố trên website của Trường tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> tại mục kết quả tốt nghiệp ngay sau khi kết thúc phiên họp của Hội đồng thi tốt nghiệp [H4.04.07.05]. Thời gian công bố kết quả thi tốt nghiệp, giải quyết phúc khảo điểm thi tốt nghiệp được Trường thực hiện đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được thể hiện trong kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp của khoá học [H4.04.07.06].

Trong quá trình học tập, người học có yêu cầu được Trường xác nhận kết quả học tập của các học phần thì sẽ được cấp bảng điểm [H4.04.07.07]. Sau khi có kết quả xét tốt nghiệp Trường cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với những người được tốt nghiệp [H4.04.07.08] trong thời gian chờ cấp bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận các học phần đã học đối với những người không đạt tốt nghiệp [H4.04.07.09]. Bằng tốt nghiệp và chứng chỉ được cấp cho người học đủ điều kiện tốt nghiệp căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp theo

đúng thời gian và các quy định tại quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006 [H4.04.07.10], quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2007 [H4.04.07.11] và thông tư số 21/2009/TT-BGDĐT ngày 12/08/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin về bằng tốt nghiệp đã cấp được lưu trữ trong sổ gốc cấp bằng theo mẫu quy định tại quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT [H4.04.07.12]. Cùng với bằng tốt nghiệp, người học đã tốt nghiệp được Trường cấp bằng kết quả học tập và rèn luyện toàn khoá học [H4.04.07.13].

Danh sách người học tốt nghiệp, danh sách người học được cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và chứng chỉ giáo dục thể chất được Trường công bố trên website tại địa chỉ <http://www.ktdn.edu.vn> [H4.04.07.14].

So với các quy định hiện hành, Trường chưa cung cấp được đầy đủ các thông tin trên bằng tốt nghiệp, chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và chứng chỉ giáo dục thể chất trên trang thông tin điện tử của Trường như thông tin về số vào sổ và số hiệu của văn bằng, chứng chỉ đã cấp.

2. Những điểm mạnh:

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời công khai và minh bạch, đồng thời phát huy được tính chủ động của người học trong quá trình học tập. Văn bằng, chứng chỉ học tập của người học được cấp kịp thời đúng theo quy định của Trường, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, nhờ đó quyền lợi của người học được đảm bảo và thuận tiện khi liên hệ việc làm.

3. Những tồn tại:

Trường chưa đưa đầy đủ các thông tin trên văn bằng, chứng chỉ học tập đã cấp cho người học lên trang thông tin điện tử là do Trường đang trong quá trình xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về cấp văn bằng tốt nghiệp và các chứng chỉ học tập.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012 - 2013 Trường sẽ hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về văn bằng tốt nghiệp và các chứng chỉ học tập để đưa lên trang thông tin điện tử của Trường nhằm công bố công khai thông tin của người học tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 4.8: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của từng khóa học và được lưu trữ theo hệ thống sổ sách và phần mềm quản lý bao gồm hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ học sinh – sinh viên, các quyết định lên lớp, thành lập lớp [H4.04.08.01].

Hàng năm, Trường thực hiện thống kê kết quả học tập toàn khóa của người học với tỷ lệ bình quân sinh viên tốt nghiệp ra trường khá cao 90,01%, trong đó loại xuất sắc: 0,9%, loại giỏi: 5,03%, loại khá: 35,08% [H4.04.08.02]. Do đó, các nhà tuyển dụng thường đến mời sinh viên khi tốt nghiệp sẽ đến nhận việc làm tại đơn vị [H4.04.08.03].

Trường thực hiện khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp bằng cách gửi “Phiếu đăng ký tuyển dụng” [H4.04.08.04], “Phiếu thông tin nghề nghiệp” [H4.04.08.05] cho sinh viên tốt nghiệp để nhằm đánh giá được chất lượng đào tạo của trường.

Đồng thời Trường thực hiện khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp qua bảng thăm dò trên website của Trường [H4.04.08.06].

Tuy nhiên, việc xây dựng thông tin trên các phiếu khảo sát về tình hình sinh viên tốt nghiệp chưa được chi tiết, cụ thể.

2. Những điểm mạnh:

Trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường cao, có việc làm phù hợp, đảm bảo hoạt động đào tạo của Trường đạt hiệu quả tốt. Công tác quản lý hoạt động đào tạo thể hiện tính chuyên nghiệp sẽ là cơ sở cho Trường dễ định hướng phát triển ngành nghề sau này.

3. Những tồn tại:

Do việc xây dựng thông tin trên các phiếu khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp chưa được chi tiết, cụ thể nên việc thống kê về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp chưa được chính xác.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Trường sẽ xây dựng các phiếu khảo sát về tình hình sinh viên tốt nghiệp một cách chi tiết, theo đúng chuyên ngành đào tạo, đồng thời vận động sinh viên tích cực phản hồi thông tin về Trường để có cơ sở đánh giá được tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm và mức thu nhập của sinh viên khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 4.9: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả:

Trường rất quan tâm đến việc đánh giá chất lượng đào tạo nên đã xây dựng kế hoạch triển khai bằng nhiều hoạt động để thực hiện mục tiêu này như tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học đối với các hệ đào tạo, khảo sát lấy ý kiến của giảng viên [H4.04.09.01], [H3.03.02.04].

Từ kết quả đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi tốt nghiệp, Trường sẽ có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo một cách tốt nhất để phù hợp với yêu cầu xã hội [H3.03.06.04] .

Tuy nhiên, việc khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra Trường chỉ thực hiện ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chưa mở rộng ra các tỉnh thành lân cận như Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ.

2. Những điểm mạnh:

Trường có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường, nên đã giúp cho việc xác định rõ được chất lượng đào tạo của Trường hiện nay.

Trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

3. Những tồn tại:

Hiện nay, Trường chỉ triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chưa mở rộng ra các tỉnh thành lân cận là do Trường thiếu kinh phí trong việc triển khai mở rộng các hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ có kế hoạch bổ sung kinh phí cho việc triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường ở các tỉnh thành khác, để nhằm có kết quả đánh giá chất lượng đào tạo được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Hoạt động đào tạo của trường từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá chất lượng đào tạo, lưu trữ và thông tin về kết quả học tập cho người học được tổ chức một cách khoa học, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, nhà trường đều báo cáo kết quả về thực hiện hoạt động đào tạo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình tổ chức đào tạo, nhà trường thường xuyên quan tâm đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Nhà trường chủ động đa dạng hóa phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác và phù hợp với từng phương thức đào tạo.

Kết quả học tập của người học được nhà trường lưu trữ một cách đầy đủ, an toàn và chính xác. Đồng thời, thông tin cho người học một cách kịp thời, nhanh chóng; văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo đúng quy định.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu:

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có phẩm chất và năng lực, xứng tầm với các nhiệm vụ được giao là nhân tố quyết định sự thành công trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo và phục vụ đào tạo trong nhà trường. Bên

cạnh các chính sách đãi ngộ theo quy định, nhà trường còn có những qui định, qui chế để tạo điều kiện thuận lợi giúp đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Đề ra các biện pháp đánh giá việc giảng dạy và công tác phục vụ của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên giúp cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có cơ sở cải tiến phương pháp giảng dạy, phục vụ giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học. Trên cơ sở các văn bản pháp luật nhà nước, trường đã cơ bản hoàn thiện hệ thống các văn bản chỉ đạo: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định chế độ công tác đối với Cán bộ, viên chức, Quy chế chi tiêu nội bộ... làm cơ sở cho cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Đội ngũ Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường ngoài việc đảm bảo các yêu cầu về chuẩn trình độ, cơ cấu còn đảm bảo cả về số lượng, tuổi đời và tính kế thừa.

Tiêu chí 5.1: Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện các nghĩa vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

1. Mô tả:

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện các nghĩa vụ theo qui định Điều lệ trường cao đẳng, Quy chế tổ chức hoạt động của trường [H5.05.01.01] và các quy định khác do Hiệu trưởng ban hành [H5.05.01.02]. Giảng viên Trường đã thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường ban hành [H5.05.01.03]; viết giáo trình, bài giảng phục vụ giảng dạy học tập theo sự phân công của trường, khoa, bộ môn [H5.05.01.04]; Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trường không ngừng bồi dưỡng nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo [H5.05.01.05]; hoàn thành tốt các công tác tuyển sinh [H5.05.01.06], công tác cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm [H5.05.01.07] do trường, khoa, bộ môn giao. Trường luôn tổ chức đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ theo qui định đối với Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên hàng năm [H5.05.01.08]

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trường được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chế độ chính sách quy định cho giảng viên, cán bộ và nhân viên; được hưởng các chế độ nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và được nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ thường niên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Luật lao động [H5.05.01.09]. Bên cạnh đó, Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được tham gia nghiên cứu khoa học, được gửi đi đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H5.05.01.10]; được thi nâng ngạch, chuyển ngạch giảng viên, và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật [H5.05.01.11]. Ngoài ra, các cá nhân, tập thể giảng viên, cán bộ, nhân viên trường được xét tặng các danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” và các danh hiệu thi đua khác [H5.05.01.12]. Giảng viên giảng dạy đúng chuyên môn đã được đào tạo, xác định nội dung các giáo trình giảng dạy phù hợp với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5.05.01.13]. Giảng viên được lựa chọn phương pháp và phương tiện giảng dạy thích hợp nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo [H5.05.01.14]. Các giảng viên của trường đều được ký hợp đồng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục và các đơn vị khác ngoài trường [H5.05.01.15].

Tuy nhiên, có một số ít cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như lên lớp chưa đúng giờ, chưa thực hiện việc đeo bảng tên, đồng phục theo qui định.

2. Những mặt mạnh:

Trường đã thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên. Đội ngũ giảng viên của trường có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; có trình độ chuyên môn, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý điều hành, công việc đạt hiệu quả cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Đội ngũ nhân viên của trường đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác đào tạo của trường; có ý thức trách nhiệm trong công tác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ lao động theo qui định hiện hành.

3. Những tồn tại:

Do những điều kiện khách quan nên một số cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như lên lớp chưa đúng giờ, chưa thực hiện việc đeo băng tên, đồng phục theo qui định.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ có kế hoạch và biện pháp nhằm kiểm tra, đôn đốc giảng viên, cán bộ, nhân viên thực hiện tốt hơn nữa các nghĩa vụ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 5.2: Có chủ trương, kế hoạch và biện pháp tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ở ngoài nước; chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã chủ trương xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên có chất lượng, có trách nhiệm, nhiệt tình công tác được thể hiện trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; phương pháp giảng dạy và năng lực quản lý. Thực hiện chủ trương đó, Ban Giám Hiệu nhà trường đã quan tâm chỉ đạo việc xây dựng và ban hành các văn bản về quy định, quy trình công tác tuyển dụng, tập sự và xét hết tập sự [H5.05.02.01], [H5.05.02.02]. Việc tuyển dụng cán bộ viên chức của trường đều xuất phát từ nhu cầu của các bộ phận Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm. Hàng năm trường có kế hoạch tuyển dụng giảng viên, nhân viên dựa trên chỉ tiêu đã được phê duyệt [H5.05.02.03]. Khi tuyển dụng, nhà trường có thông báo tuyển dụng và công khai các yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng cần tuyển dụng, ngày, giờ,

và nội dung thi tuyển rõ ràng [H5.05.02.04]. Đồng thời, còn được công khai trên Website của trường, và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H5.05.02.05].

Trường luôn thực hiện đánh giá việc phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên của Trường trong bản báo cáo tổng kết năm học hàng năm [H5.05.02.06].

Trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định cụ thể về các chế độ, chính sách và tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý được tham gia các hoạt động nâng cao nghiệp vụ chuyên môn (học Thạc sĩ, Tiến sĩ) ở trong và ngoài nước [H5.05.02.07], [H5.05.02.08].

Trong những năm qua, trường đã cử nhiều cán bộ quản lý, giảng viên đi học tập kinh nghiệm quản lý đào tạo ở các nước: Mỹ, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc [H5.05.02.09].

Tuy nhiên, công tác tuyển dụng vẫn chưa đảm bảo theo mong muốn, số lượng giảng viên còn thiếu, và trình độ ngoại ngữ còn khiêm tốn.

2. Những điểm mạnh:

Trường có chủ trương, có kế hoạch, và ban hành triển khai thực hiện tốt các quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ theo quy trình và tiêu chí rõ ràng, minh bạch, nên đã phát huy được tác dụng và đạt hiệu quả cao với đội ngũ giảng viên, nhân viên có năng lực đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.

3. Những tồn tại:

Do sự tác động nhiều mặt của xã hội, nên công tác tuyển dụng không đảm bảo theo mong muốn.

Do đội ngũ giảng viên còn thiếu về số lượng, trình độ ngoại ngữ còn khiêm tốn nên ít có điều kiện để tham gia hoạt động chuyên môn ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường sẽ tiếp tục đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn về công tác này, đặc biệt là vấn đề tuyển dụng đội ngũ giảng viên. Từ năm 2012 trở đi, nhà trường sẽ thiết lập cơ chế cụ thể trong việc thu hút giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục về trường công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 5.3: Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả:

Trường đã xây dựng cơ cấu đội ngũ giảng viên phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Đội ngũ giảng viên của trường hiện nay là 446 người, trong đó có 152 giảng viên cơ hữu [H5.05.03.01] và 294 giảng viên thỉnh giảng [H5.05.03.02].

Trường có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục đào tạo của các khóa ở các ngành đào tạo của trường. Đội ngũ giảng viên đang được trẻ hoá, và có sự kế thừa là yếu tố nguồn lực quan trọng để thực hiện tốt chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học trong những năm qua. Với tổng số 152 giảng viên cơ hữu bao gồm: 1 Phó Giáo sư, 9 Tiến sĩ, 60 Thạc sĩ, 80 Cử nhân, 03 trình độ khác [H5.05.03.03].

Tỷ lệ học sinh – sinh viên trên một giảng viên là 35. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện báo cáo tình hình cán bộ, viên chức với cấp trên của trường [H5.05.03.04]. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức khảo sát đối với học sinh – sinh viên của trường để có những thông tin phản hồi về giảng viên và chương trình đào tạo [H5.05.03.05].

Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên giữa các Bộ môn so với số lượng sinh viên đào tạo còn chưa hợp lý, và giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chưa đồng đều giữa các Khoa, Bộ môn.

2. Những điểm mạnh:

Trường có đủ đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học, đồng thời thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, và luôn được trẻ hóa.

Trường đang tiếp tục tuyển dụng thêm giảng viên để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, đảm bảo giảm tỷ lệ người học/giảng viên theo đúng qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

3. Những tồn tại:

Do cơ cấu đội ngũ giảng viên giữa các Bộ môn trong trường so với số lượng sinh viên đào tạo của ngành và chuyên ngành còn chưa hợp lý.

Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên còn ít. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ chưa đồng đều giữa các Khoa, Bộ môn.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Trường tiếp tục chỉ đạo các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, và tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của ngành và chuyên ngành đào tạo theo nhu cầu xã hội. Thực hiện hiệu quả công tác tuyển dụng và xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Nhiệm vụ của trường là nơi đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học, nên tiêu chuẩn của đội ngũ giảng viên về cơ bản đáp ứng đúng quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ của trường Cao đẳng [H5.05.04.01], [H5.05.04.02].

Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đài thọ kinh phí cho cán bộ, giảng viên đi học sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn [H5.05.04.03]. Hầu hết giảng viên của trường điều biết ứng dụng tin học và ngoại ngữ trong chuyên môn và phục vụ giảng dạy [H5.05.04.04].

Tất cả giảng viên của Trường đều được bố trí giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo [H5.05.04.05], đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định, nên trong những năm qua về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học [H5.05.04.06].

Tuy nhiên, số lượng giảng viên có trình độ học vị cao còn ít, và trình độ ngoại ngữ còn khiêm tốn.

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên của trường có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng được cơ bản yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Tất cả giảng viên đang công tác tại trường đều đạt chuẩn theo đúng quy định.

3. Những tồn tại:

Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ còn ít, và trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu hội nhập hiện nay.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013 Nhà trường sẽ có kế hoạch để nâng cao trình độ giảng viên, trong đó chú trọng đào tạo trình độ tiến sĩ và tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học phục vụ giảng dạy và quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 5.5: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo qui định.

1. Mô tả:

Trường luôn chú trọng đến việc phát triển đội ngũ giảng viên về chất lượng, có trình độ chuyên môn, trẻ hóa và có phẩm chất tốt của một nhà giáo. Với đội ngũ giảng viên nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình công tác, vững về chuyên môn, nên đáp ứng tốt nhiệm vụ đào tạo theo qui định [H5.05.05.01].

Để trẻ hóa đội ngũ, Trường thường xuyên tổ chức tuyển dụng giảng viên trẻ, đa số mới tốt nghiệp ở các trường đại học [H5.05.05.02] và được phân công về các Khoa phù hợp với chuyên môn [H5.05.05.03]. Đây là lực lượng trẻ có trình độ và khả năng tiếp cận khoa học, kỹ thuật nhanh, phương pháp giảng dạy hiện đại và cũng là đội ngũ kế thừa tốt trong tương lai.

Bên cạnh đó, để ngày càng nâng cao chất lượng và giữ vững uy tín đào tạo, Trường còn tiến hành khảo sát phỏng vấn trong cán bộ, giảng viên về tình hình hoạt động đào tạo của nhà trường [H5.05.05.04].

Tuy nhiên, có một số giảng viên còn thiếu kinh nghiệm sư phạm, và một số giảng viên chưa tiếp thu công nghệ hiện đại trong quá trình giảng dạy.

2. Những điểm mạnh:

Trường có đội ngũ giảng viên đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn, trẻ hóa, tiếp thu nhanh tri thức mới và luôn đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với điều kiện hiện nay.

3. Những tồn tại:

Do một số giảng viên còn trẻ nên thiếu kinh nghiệm sư phạm trong giảng dạy, và một số giảng viên cao tuổi chưa thích ứng kịp thời với công nghệ hiện đại trong quá trình giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 -2013 Nhà trường tiếp tục triển khai tuyển dụng giảng viên trẻ có đủ trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt để bổ sung vào đội ngũ giảng viên của trường, đồng thời tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trẻ, nhằm từng bước xây dựng đội ngũ kế cận cho quá trình phát triển của Trường trong tương lai.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Năm 2003 Trường thành lập Phòng Quản lý Thiết bị với đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đa số được đào tạo đúng chuyên môn để hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giảng viên và người học sử dụng các trang thiết bị, phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được yêu cầu đào tạo hiện nay của trường [H5.05.06.01].

Trong quá trình hoạt động, Phòng Quản lý Thiết bị có qui định nhiệm vụ và phân công công tác cho nhân viên của Phòng phụ trách những nội dung công việc cụ thể, kể cả trong và ngoài giờ hành chính [H5.05.06.02].

Hàng năm, Trường có kế hoạch cử các kỹ thuật viên đi học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học ngày càng tốt hơn [H5.05.06.03].

Tuy nhiên, việc tổ chức các buổi bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên chưa được thường xuyên.

2. Những điểm mạnh:

Trường có đủ số lượng kỹ thuật viên được đào tạo đúng chuyên môn nghiệp vụ để hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giảng viên và người học sử dụng các trang thiết bị, phục vụ đào tạo, học tập và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường luôn được trẻ hoá, năng động, sáng tạo và nhiệt tình trong công tác.

3. Những tồn tại:

Do trường chưa chủ động tổ chức thường xuyên trong năm các buổi bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2013, Trường sẽ chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức nhiều buổi bồi dưỡng, tập huấn nhằm phát triển trình độ chuyên môn của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 5.7: Tổ chức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

1. Mô tả:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã ban hành những qui định và đồng thời tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các buổi hội giảng, tổ chức thi giáo viên dạy giỏi được trường duy trì thường xuyên và ngày càng cải tiến [H5.05.07.01]. Công tác tổ chức thi giáo viên dạy giỏi được

tổ chức khách quan, mang tính chuyên môn sâu, có quy trình chặt chẽ đã tạo ra một bước chuyển mới trong đội ngũ giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhất là đối với giảng viên trẻ [H5.05.07.02].

Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức nhiều buổi hội thảo khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp quản lý, cải tiến quản lý để nâng cao chất lượng đào tạo [H5.05.07.03].

Đồng thời, trường còn chú trọng đến phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại, được ứng dụng khoa học - công nghệ, được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp [H5.05.07.04].

Ngoài ra, để đánh giá và rút kinh nghiệm trong các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý phục vụ, nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của học sinh – sinh viên đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên và điều kiện phục vụ của nhà trường [H5.05.07.05]. Qua kết quả khảo sát, trường đã kịp thời chấn chỉnh các hoạt động giảng dạy của giảng viên; tích cực đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

Tuy nhiên, việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Những điểm mạnh:

Trường có đội ngũ giảng viên vững về chuyên môn, tận tụy trong công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học;

Trường thường xuyên chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

3. Những tồn tại:

Do Trường chưa có kế hoạch dài hạn nên việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013 Nhà trường sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học. Đồng thời, khuyến khích và có các giải pháp cụ thể đối với việc đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Trường luôn xác định việc xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có đủ về lượng và đảm bảo về chất là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên của trường tương đối đủ về số lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và có chuyên môn đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đang đảm nhận.

Đội ngũ giảng viên của trường nhiệt tình công tác và luôn có tâm huyết; số lượng giảng viên có trình độ chuyên môn cao ngày càng tăng, được thể hiện thông qua các chỉ số phát triển đội ngũ giảng viên trẻ và ngày càng nhiều giảng viên đã hoàn thành các khóa đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ; bổ sung thêm cho đội ngũ giảng viên của trường.

Nhà trường luôn quan tâm và thường xuyên tuyển dụng nhân sự để bổ sung cho nguồn nhân lực đảm bảo đủ về lượng và chuẩn về chất; thực hiện tốt đề án nâng cấp trường thành trường Đại học, trong đó chú ý phát triển đội ngũ giảng viên trẻ và đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên. Từ năm học 2012 - 2013, nhà trường sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên, để nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu:

Hoạt động giảng dạy, học tập, và các hoạt động khác liên quan đến người học luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đạt được những kết quả tốt. Nhà trường đã cung cấp một cách đầy đủ,

kip thời các chính sách, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định, thông báo của trường đến từng sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Người học luôn được giải thích và đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước và được chăm sóc sức khỏe theo đúng quy định của y tế học đường. Đồng thời, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học. Người học được học, hiểu biết các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Người học được tham gia vào các hoạt động của Đoàn, Hội và có môi trường để tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu vào Đảng.

Trường đã thực hiện việc khảo sát đối với sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, và các đơn vị sử dụng lao động để nắm bắt được nhu cầu nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Theo quy định về quyền lợi người học tại Điều 4 của Quy chế học sinh - sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy [H6.06.01.01], hằng năm Nhà trường đều tiến hành tổ chức tuần Sinh hoạt công dân vào đầu năm học [H6.06.01.02] để phổ biến, hướng dẫn đầy đủ chương trình giáo dục trong quy chế đào tạo và chi tiết nội dung chương trình giáo dục thông qua Kế hoạch học tập năm học [H6.06.01.03] cho người học.

Trong tuần lễ sinh hoạt công dân này [H6.06.01.02], người học còn được Nhà trường hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá theo quy định trong quy chế đào tạo [H6.06.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo để tạo điều kiện cho người học thực hiện tốt việc kiểm tra đánh giá [H6.06.01.05].

Ngoài việc được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá trong quy chế đào tạo cho người học, Nhà trường còn hướng dẫn người học thực hiện các quy định trong Nội quy Nhà trường [H6.06.01.06] cũng như hướng dẫn người học các quy định khác có liên quan trong Sổ tay Học sinh – Sinh viên [H6.06.01.07].

Việc thực hiện hướng dẫn người học về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo được thực hiện đúng với yêu cầu đáp ứng quyền lợi của người học trong Quy chế học sinh - sinh viên [H6.06.01.01].

Tuy nhiên, các thông tin cho việc lấy ý kiến phản hồi người học về việc tiếp thu các hướng dẫn trên chưa được đầy đủ.

2. Những điểm mạnh:

Người học được Nhà trường tổ chức hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá trong quy chế đào tạo và các quy định khác được thể hiện trong Sổ tay Học sinh – Sinh viên, nhằm giúp cho người học nắm bắt đầy đủ các thông tin liên quan đến quyền lợi học tập của mình.

3. Những tồn tại:

Các thông tin lấy ý kiến phản hồi từ người học về vấn đề tiếp thu các hướng dẫn chưa được đầy đủ do Bài thu hoạch cuối đợt Sinh hoạt công dân HSSV được xây dựng từ các năm học trước chưa được cập nhật lại và bổ sung

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Phòng Công tác chính trị và Quản lý học sinh – sinh viên sẽ tiến hành xây dựng lại hệ thống các yêu cầu trong Bài thu hoạch cuối đợt Sinh hoạt công dân để ghi nhận được sự phản hồi từ phía người học một cách đầy đủ nhất việc tiếp thu đầy đủ các nội dung được hướng dẫn về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe định kỳ, được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn

nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường; được tư vấn việc làm và các hình thức hỗ trợ khác.

1. Mô tả:

Theo thông tư liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD-BTC-BLĐ-TB&XH, ngày 25/08/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh – sinh viên các trường đào tạo công lập, và thông tư liên tịch số 54/1998/TT-LT/BGD&ĐT-TC, ngày 31/08/1998 về việc hướng dẫn thực hiện thu, chi và quản lý học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập [H6.06.02.01], trong tuần lễ Sinh hoạt công dân học sinh - sinh viên, Nhà trường đều tiến hành phổ biến tinh thần và hướng dẫn thực hiện các thông tư trên về các chế độ miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội cho người học **[H6.06.01.02]**. Bên cạnh việc phổ biến, Nhà trường còn cung cấp tài liệu về việc thực hiện chế độ chính sách xã hội cho người học thông qua việc cung cấp Sổ tay Học sinh - sinh viên **[H6.06.01.07]**. Sau khi hướng dẫn cho người học, Nhà trường đã tiến hành thực hiện chính sách xã hội cho người học thông qua việc xét miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội, trong năm học 2011- 2012 trường đã giải quyết hơn 1.900 lượt học sinh – sinh viên được miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội, những người học thuộc diện chính sách xã hội này đều được Nhà trường thông báo thông qua hệ thống bảng tin và trang web của Nhà trường [H6.06.02.02]

Về việc chăm sóc sức khỏe, hằng năm Nhà trường đều tiến hành tổ chức khám sức khỏe cho người học [H6.06.02.03]. Việc khám sức khỏe cho người học đều được Nhà trường thống kê tổng kết [H6.06.02.04], trong năm học 2011-2011, Nhà trường đã tiến hành khám sức khỏe cho 1.475 học sinh – sinh viên và tiến hành đăng ký bảo hiểm y tế tự nguyện cho 1.546 học sinh – sinh viên khóa mới, đạt tỷ lệ lần lượt là 94,1% và 98.7%.

Trong quá trình học tập tại trường, người học được Nhà trường tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hội diễn văn nghệ, tổ chức hội thao để người học có điều kiện tham gia [H6.06.02.05]. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao đã thu hút được nhiều người học hưởng ứng tập luyện, tham gia [H6.06.02.06]. Nhà

trường cũng đã trang bị hệ thống âm thanh, các trang thiết bị để phục vụ cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao [H6.06.02.07].

Việc đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường luôn được chú trọng. Nhà trường đã thực hiện xây dựng Nội quy Nhà trường, cũng như có kế hoạch phân công hoạt động cụ thể của bộ phận Bảo vệ để đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường cho người học [H6.06.02.08].

Bên cạnh việc trang bị các kiến thức chuyên môn cho người học, Nhà trường cũng tổ chức việc tư vấn việc làm cho người học. Các hoạt động tư vấn việc làm đã thu hút được nhiều người học tham gia [H6.06.02.09]. Song song với việc tư vấn việc làm, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn khác để hỗ trợ người học có thêm các kiến thức kỹ năng xã hội, kỹ năng mềm [H6.06.02.10].

Việc đảm bảo các chính sách xã hội, chăm lo sức khỏe và tạo điều kiện cho người học được tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động tư vấn hỗ trợ đã giúp cho người học an tâm học tập tại trường. Tuy nhiên, một số các hoạt động thể dục thể thao vẫn chưa tạo ra nhiều các hình thức tập luyện phong phú như bóng chuyền, bóng đá mini, cầu lông

2. Những điểm mạnh:

Tất cả các người học đều được Nhà trường chăm lo các chính sách xã hội về miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội.

Người học được Nhà trường tạo điều kiện chăm sóc sức khỏe trong quá trình học tập.

Người học được tạo điều kiện tối đa trong việc tham gia các hoạt động ngoại khóa về các lĩnh vực văn hóa văn nghệ.

3. Những tồn tại:

Các trang thiết bị phục vụ tập luyện thể dục thể thao vẫn còn thiếu nên các hình thức tập luyện thể dục thể thao vẫn chưa được phong phú như bóng chuyền, bóng đá mini, cầu lông

4. Kế hoạch hành động:

Ngay trong năm học 2012-2013, Phòng Đầu tư và Xây dựng tiếp tục tăng cường trang bị các dụng cụ tập luyện cầu lông, bóng chuyền, nâng cấp sân tập bóng đá mini.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 6.3: Người học được phổ biến, giáo dục về chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; được tạo điều kiện để tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác; được tạo điều kiện để tham gia công tác Đảng, đoàn thể.

1. Mô tả:

Trong tuần lễ Sinh hoạt công dân học sinh - sinh viên đầu năm học, Nhà trường đều tiến hành phổ biến các chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước cho người học [H6.06.01.02]. Song song với việc phổ biến, Nhà trường còn dành thời gian để nói chuyện chuyên đề về tình hình chính trị, xã hội trong nước và quốc tế để người học nâng cao được sự hiểu biết về các chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Cũng trong Tuần sinh hoạt học sinh - sinh viên, Nhà trường cũng tạo điều kiện để người học có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện đạo đức lối sống thông qua các buổi chuyên đề về “Đạo đức của học sinh – sinh viên; thái độ và phương pháp ứng xử của học sinh – sinh viên” [H6.06.01.02]. Song song đó, trong quá trình học tập, người học được Nhà trường tổ chức các hoạt động trọng điểm nhân dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn thanh niên 26/3 để tạo điều kiện cho người học được tu dưỡng, rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống.

Bên cạnh việc phổ biến, giáo dục chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cũng như tạo điều kiện để người học được tu dưỡng về chính trị, đạo đức, lối sống, Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện để người học được tham gia công tác Đảng, đoàn thể. Hằng năm, Đoàn thanh niên đều có các kế hoạch hoạt động để người học có thể tham gia đầy đủ [H6.06.03.01]. Thông qua các hoạt động trên, Nhà trường tiến hành tổ chức các lớp bồi dưỡng cảm tình

Đoàn, cảm tình Đảng để từ đó người học có điều kiện tham gia trực tiếp công tác Đảng, Đoàn thể [H6.06.03.02]. Các hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thể luôn thu hút được sự tham gia của người học [H6.06.03.03]. Trong năm học vừa qua, Đoàn trường đã tổ chức cho 150 học sinh – sinh viên tham gia lớp cảm tình Đoàn, 11 học sinh – sinh viên tham gia lớp cảm tình Đảng, tổ chức kết nạp Đoàn cho 73 học sinh – sinh viên.

Người học được quan tâm và hỗ trợ rất tốt từ các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng của Nhà trường. Tuy nhiên công tác phát triển Đảng cho người học vẫn còn hạn chế.

2. Những điểm mạnh:

Tất cả các người học đều được Nhà trường tổ chức phổ biến, giáo dục về các chính sách, đường lối của Đảng, được tạo điều kiện trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức lối sống.

3. Những tồn tại:

Công tác phát triển Đảng của người học còn hạn chế xuất phát từ hoàn cảnh khách quan là thời gian học của người học tại trường chưa đủ cho việc bồi dưỡng.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Đoàn thanh niên phối hợp cùng với Đảng ủy Nhà trường xây dựng, bổ sung thêm các hoạt động để có thêm cơ sở trong việc giới thiệu kết nạp Đảng cho người học .

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 6.4: Thực hiện đánh giá năng lực của người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo; có kết quả điều tra về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

1. Mô tả:

Việc xây dựng mục tiêu đào tạo luôn gắn liền với nhiệm vụ và sứ mạng của Trường [H1.01.01.01]. Căn cứ vào qui chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/08/2007 và qui chế đào tạo Đại Học và Cao Đẳng hệ chính quy theo hệ thống

tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo, Trường đã ban hành quyết định số 321/CKĐ-QĐ ngày 29/06/2010 **[H3.03.02.02]** và qui định về chuẩn đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp nhằm đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo **[H6.06.04.01]**.

Trường đã thực hiện thu thập thông tin về người học có việc làm sau khi tốt nghiệp qua phiếu điều tra gửi cho các bạn sinh viên tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng lao động của các địa phương, của ngành công thương, website của trường để khảo sát về tỷ lệ sinh viên của Trường có việc làm sau khi tốt nghiệp và khảo sát về mức độ sinh viên tốt nghiệp của Trường có đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành **[H6.06.04.02]**.

Tuy nhiên, việc khảo sát về mức độ sinh viên tốt nghiệp của Trường có đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành chỉ thực hiện ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chưa mở rộng ra các tỉnh thành lân cận như Bình Thuận, Tây Ninh, Long An, Tây Nguyên, Cần Thơ...

2. Những điểm mạnh:

Trường đã thực hiện đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp dựa trên các Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo nhằm đánh giá chính xác năng lực của người học.

Trường đã tổ chức thực hiện việc khảo sát về mức độ sinh viên tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành nhằm đánh giá được kỹ năng làm việc của sinh viên cũng như chất lượng đào tạo của Trường.

3. Những tồn tại:

Hiện nay, Trường chỉ triển khai kế hoạch khảo sát về mức độ sinh viên tốt nghiệp của Trường có đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chưa mở rộng ra các tỉnh thành lân cận là do Trường thiếu kinh phí trong việc triển khai mở rộng các hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động:

Ngay trong năm học 2012 - 2013, Trường sẽ có kế hoạch bổ sung kinh phí cho việc triển khai kế hoạch khảo sát về mức độ sinh viên tốt nghiệp của Trường có đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành ở các tỉnh thành lân cận, để nhằm có kết quả đánh giá chính xác về tình hình việc làm của sinh viên hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về tiêu chuẩn 6:

Trường đã có những biện pháp cụ thể để giúp học sinh – sinh viên hiểu rõ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng như hiểu được các quy định của Nhà nước về quyền lợi, nghĩa vụ của người học. Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ, chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và đầu tư kinh phí cho công tác văn hóa, văn nghệ; thể dục thể thao trong học sinh – sinh viên và đã nhận được nhiều giải thưởng của các cấp trao tặng trong các đợt tham gia hội thi với thành tích cao.

Trường luôn chủ động thực hiện việc tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh – sinh viên đang học tại trường, và có các biện pháp khen thưởng kịp thời các học sinh – sinh viên, Đoàn viên gương mẫu và đạt thành tích xuất sắc trong học tập và hoạt động phong trào.

Bên cạnh những vấn đề đã làm được, trường còn có một số hạn chế, đó là quá trình thực hiện khảo sát thu thập thông tin từ người sử dụng lao động, từ các doanh nghiệp sử dụng lao động có tiến hành nhưng hiệu quả chưa đạt theo yêu cầu mong muốn. Để khắc phục tình trạng trên, từ năm học 2012 – 2013, trường sẽ đa dạng hóa các kênh thông tin nhằm thu thập nhiều hơn nữa các thông tin về học sinh – sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp, thông tin phản ánh từ các đơn vị, các doanh nghiệp sử dụng lao động để nhà trường có những thông tin đầy đủ hơn nhằm đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, và đáp ứng cho nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu:

Hoạt động nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại được xây dựng và triển khai hằng năm phù hợp với sứ mạng và sự phát triển của trường. Hoạt động này đã được nhà trường chủ trương kể từ khi trường mới thành lập và được duy trì thường xuyên. Trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động này; trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến; qua các năm, đã có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học và sáng kiến được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương; đồng thời các giảng viên cũng thực hiện được một số bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học trong nước. Nhờ thực hiện tốt công tác nghiên cứu khoa học nên trường cũng đã tích lũy và phát hành được nhiều tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường. Ngoài ra, trường còn có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; các hoạt động về quan hệ quốc tế mà kết quả hoạt động của nó bước đầu đã phần nào đóng góp vào việc phát triển các nguồn lực của trường.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường cao đẳng.

1. Mô tả:

Công tác nghiên cứu khoa học là một trong những công tác quan trọng của các trường đại học, cao đẳng và cũng là một nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 1712/QĐ-BĐH ngày 18 tháng 12 năm 1978 [H7.07.01.01] và được thay thế bằng Quyết định số 64/2008QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H7.07.01.02]. Để thực hiện tốt công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ; hằng năm trường đều có xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ

[H7.07.01.03] thông qua Hội đồng Khoa học trường; Năm 2010, nhằm tăng cường hơn nữa hoạt động khoa học, công nghệ trong trường, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế được thành lập [H7.07.01.04] thực hiện nhiệm vụ xây dựng và triển khai hoạt động khoa học, công nghệ của trường.

Trên cơ sở kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ hằng năm; các Phòng, Khoa, Trung tâm và Bộ môn thuộc trường tổ chức triển khai thực hiện trong cả năm học theo kế hoạch đã đề ra, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế sẽ tổ chức Hội đồng nghiệm thu đánh giá [H7.07.01.05].

Trong sứ mạng của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại có nêu lên việc tổ chức nghiên cứu và thực nghiệm khoa học, công nghệ phục vụ cho sự phát triển của đất nước [H1.01.01.01], nên việc xây dựng và triển khai hoạt động khoa học, công nghệ của trường phù hợp với sứ mạng là nghiên cứu và phát triển của trường cao đẳng.

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại hằng năm đều phát triển tốt về mọi mặt: quy mô tăng đều, chất lượng đào tạo được nâng cao, học sinh – sinh viên tốt nghiệp ra trường đạt tỉ lệ cao [H7.07.01.06]. Cùng với sự phát triển của nhà trường; kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ của trường qua từng năm cũng được phát triển tăng theo cho phù hợp [H7.07.01.07].

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ của trường còn bị động về mặt thời gian, việc nghiệm thu các đề tài và các báo cáo sáng kiến thường tập trung vào thời điểm cuối năm học.

2. Những điểm mạnh:

Hoạt động khoa học, công nghệ của trường rất được lãnh đạo nhà trường; lãnh đạo các Phòng, Trung tâm, Khoa, Bộ môn, giáo viên và nhân viên quan tâm.

Tất cả cán bộ, viên chức đều nhiệt tình, và có tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và báo cáo sáng kiến.

Hằng năm, Trường đều có xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ cụ thể; tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức tổng kết, đánh giá, khen thưởng kịp thời.

3. Những tồn tại:

Việc triển khai thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ của trường còn bị động về mặt thời gian do thiếu sự kiểm tra, đôn đốc của bộ phận triển khai thực hiện công tác này.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, trường sẽ tổ chức hội nghị về hoạt động khoa học, công nghệ của trường để rút kinh nghiệm và có biện pháp kiểm tra để nhằm đôn đốc cán bộ, viên chức thực hiện đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 7.2. Có chủ trương và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

1. Mô tả:

Lãnh đạo nhà trường luôn chủ trương thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến của cán bộ, viên chức. Chủ trương này đã có từ năm 1997 khi trường được nâng cấp lên cao đẳng và được thể hiện trong phương hướng hoạt động của trường cụ thể cho từng năm [H7.07.02.01]. Hằng năm, trường đều có kế hoạch và tổ chức triển khai cho cán bộ, viên chức tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến [H7.07.02.02]. Đến năm 2010, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ/BCSD ngày 06/01/2010 về đổi mới quản lý Giáo dục Đại học giai đoạn 2010-2012 [H7.07.02.03], Trường cũng đã xây dựng Chương trình hành động đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo của trường [H7.07.02.04] nhằm triển khai thực hiện Chỉ thị 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012 [H7.07.02.05], trong đó có chủ trương về đổi mới quản lý và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của trường, ban hành mới Quy định về việc nghiên cứu khoa học, xúc tiến việc xuất bản tập san kinh tế của trường [H7.07.02.06] nhằm mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến không những cho cán bộ, viên chức mà còn cho cả học sinh – sinh viên của trường cùng tham gia.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến, Trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia như động viên bằng các phần thưởng, hỗ trợ chi phí cho việc nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến [H7.07.02.07]; có kinh phí để tổ chức thực hiện công tác này [H7.07.02.08]. Vì vậy, đã thu hút được nhiều cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia, số lượng các đề tài nghiên cứu và báo cáo sáng kiến hằng năm đều tăng lên, đặc biệt năm học 2009-2010 có số lượng tăng lên một cách đáng kể [H7.07.01.07].

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến trong học sinh – sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa có một công trình và sáng kiến nào được thực hiện.

2. Những điểm mạnh:

Lãnh đạo nhà trường đã có chủ trương đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian, tài chính để khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

3. Những tồn tại:

Công tác nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến trong học sinh – sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa có một công trình và sáng kiến nào được thực hiện do học sinh – sinh viên chưa mạnh dạn tham gia vì lĩnh vực này đối với sinh viên cao đẳng còn quá khó.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, trường sẽ đưa môn học “Phương pháp nghiên cứu khoa học” vào trong chương trình giảng dạy cho học sinh – sinh viên các lớp như trong chương trình hành động của trường đã đề ra; tổ chức các chương trình phổ biến phương pháp nghiên cứu khoa học cho học sinh – sinh viên; xây dựng kế hoạch và tạo mọi điều kiện cần thiết để học sinh – sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 7.3: Có các kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường và các cơ sở giáo dục khác ở địa phương.

1. Mô tả:

Công tác nghiên cứu khoa học của trường được tiến hành thường xuyên hàng năm. Đối với giảng viên thực hiện việc nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đối với khối cán bộ, nhân viên được nhà trường động viên khuyến khích thực hiện viết báo cáo sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học. Trong 5 năm trở lại đây (2005-2010) số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và báo cáo sáng kiến đều tăng, cụ thể : có 79 đề tài nghiên cứu khoa học, 23 báo cáo sáng kiến cấp trường được nghiệm thu [H7.07.03.01]; trong đó số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và báo cáo sáng kiến tăng nhiều nhất vào năm học 2009-2010 [H7.07.01.07].

Có 76 đề tài nghiên cứu khoa học và 23 báo cáo sáng kiến được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học, quản lý của trường [H7.07.03.02]. Chất lượng các đề tài nghiên cứu tương đối tốt [H7.07.03.03], đa số các đề tài nghiên cứu khoa học được đánh giá nghiệm thu từ loại khá trở lên [H7.07.03.04], các đề tài nghiên cứu khoa học đã đáp ứng được việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của trường.

Có 03 đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học [H7.07.03.05], quản lý của các cơ sở giáo dục khác ở địa phương trong đó nổi bật nhất là đề tài “Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), cơ hội” [H7.07.03.06].

Tuy nhiên, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của trường ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục ở địa phương còn hạn chế do số lượng các đề tài còn ít, chưa bao quát hết thực tế, đặc thù ở từng địa phương.

2. Những điểm mạnh:

Công tác nghiên cứu khoa học ngày càng phát triển, số lượng đề tài ngày càng tăng và đã được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của nhà trường.

3. Những tồn tại:

Các đề tài nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng được việc nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục khác ở địa phương do nhu cầu dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục ở địa phương khác với trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, trường sẽ tìm hiểu nhu cầu về việc dạy và học, quản lý của các cơ sở giáo dục khác ở địa phương để có biện pháp triển khai ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm ngày càng đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 7.4: Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học; có các tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.

1. Mô tả:

Trong 5 năm trở lại đây, trường đã có 12 bài báo, công trình nghiên cứu khoa học [H7.07.04.01] đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học trong nước như: Tạp chí Thương mại, Tạp chí Phát triển kinh tế [H7.07.04.02].

Trường có rất nhiều tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Chất lượng các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học rất tốt. Số lượng các tài liệu, giáo trình đã phân nào phục vụ đầy đủ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường. Chất lượng các tài liệu, giáo trình phục vụ tốt cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.

Tuy nhiên, còn một số môn học chưa có giáo trình hoàn chỉnh để xuất bản thành sách.

2. Những điểm mạnh:

Giảng viên của Trường đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học để đăng trên các tập san, các ấn phẩm khoa học.

Trường có đầy đủ tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường.

3. Những tồn tại:

Một số môn học chưa có giáo trình hoàn chỉnh để xuất bản thành sách do giáo viên được phân công biên soạn chưa thực hiện đúng theo tiến độ theo quy định.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, trường sẽ có biện pháp để đôn đốc giáo viên hoàn thành việc biên soạn giáo trình theo đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 7.5: Có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo; có các hoạt động về quan hệ quốc tế. Kết quả của các hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế đóng góp vào việc phát triển nguồn lực của trường.

1. Mô tả:

Trường có các hoạt động kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo, các đề tài nghiên cứu khoa học luôn phục vụ cho công tác đào tạo như: xây dựng và hoàn chỉnh các chương trình đào tạo [H7.07.05.01]; biên soạn các đề cương môn học, bài giảng, giáo trình [H7.07.05.02]; cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy...[H7.07.05.03]

Bên cạnh đó Trường cũng có các hoạt động về quan hệ quốc tế, đã cử nhiều đoàn đi tham quan và học tập kinh nghiệm giảng dạy, quản lý ở nhiều tổ chức và các trường như: IVY University, Southern California International College (Mỹ); University of Calgary, SALT (Canada); AMES, Monash University, The University Wollongong, UTS (Úc); INTI College (Malaysia); Chulalongkorn (Thái Lan),... [H7.07.05.04]; đồng thời đón tiếp các trường nước ngoài đến tham quan trường để trao đổi, thỏa thuận và hợp tác trong lĩnh vực đào tạo như:

Broward Community College (Mỹ), Đại học Nam Kinh (Trung Quốc), Assumption University (Thái Lan), ... [H7.07.05.05]

Các hoạt động khoa học đã giúp cho trường phát triển được nhiều tài liệu, giáo trình phục vụ tốt cho công tác nâng cao chất lượng đào tạo [H7.07.04.06]; các hoạt động về quan hệ quốc tế đã góp phần phát triển về nguồn lực nhân sự như: tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ, nhân viên có hiểu biết về thực tế; nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy và quản lý.

Tuy nhiên, hoạt động quan hệ quốc tế của trường chưa đa dạng và còn hạn chế trong việc đóng góp vào sự phát triển nguồn lực tài chính của trường.

2. Những điểm mạnh:

Trường có kết hợp tốt công tác nghiên cứu khoa học với đào tạo. Duy trì thường xuyên các quan hệ quốc tế với các đối tác nước ngoài.

3. Những tồn tại:

Hoạt động quan hệ quốc tế của trường chưa đa dạng và còn hạn chế trong việc đóng góp vào sự phát triển nguồn lực tài chính do trường chưa có biện pháp xúc tiến phù hợp với từng đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Trường sẽ xây dựng kế hoạch và biện pháp để có nhiều chương trình hợp tác đa dạng hơn, trong đó chú trọng các chương trình hợp tác mang lại nguồn lực tài chính cho trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

Trường đã triển khai tốt các hoạt động nghiên cứu khoa học, nên đã có tác dụng tốt trong việc nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên phục vụ tốt công tác đào tạo, đây là cơ sở để giúp giảng viên thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao uy tín của nhà trường đối với xã hội. Có thể nói đây là hoạt động được nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên để nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy cho những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu:

Trường luôn đảm bảo trong thư viện có đủ tài liệu, giáo trình, sách, báo, tạp chí cho cán bộ, viên chức, học sinh – sinh viên tham khảo, học tập và nghiên cứu. Đồng thời trong thư viện có trang bị hệ thống máy tính kết nối Internet để giúp cho bạn đọc tra cứu tài liệu được nhanh chóng và có thể đọc được giáo trình điện tử trên Internet, đây cũng là điều kiện thuận lợi cho người học nghiên cứu, học tập, và nhất là khi nhà trường chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Cơ sở vật chất của trường gồm các hội trường, phòng học, phòng thực hành có trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ, phục vụ tốt cho việc giảng dạy, học tập của nhà trường.

Diện tích phòng học và sân bãi của trường về cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo của trường; diện tích phòng học đảm bảo đủ tiêu chuẩn cho sinh viên trong một lớp học; hệ thống hội trường đảm bảo cho sinh viên có nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống sân bãi đảm bảo cho sinh viên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao.

Trường đảm bảo sắp xếp đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên; có hệ thống máy tính được kết nối mạng nội bộ (mạng Lan) và Internet đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý đào tạo.

Trường có 01 ký túc xá tại cơ sở Cần thơ đáp ứng được nhu cầu nội trú cho học sinh - sinh viên đang học tập tại trường.

8.1. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí để tham khảo và học tập theo yêu cầu của chương trình giáo dục theo quy định. Tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

1. Mô tả:

Trường hiện có 02 thư viện được đặt tại 2 cơ sở: tại cơ sở 81 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích sử dụng là 235m² bao gồm 01 phòng đọc và mượn là 170 m², 02 kho sách: 65 m² [H8.08.01.01], và tại số 08 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy ,

Thành phố Cần Thơ, với diện tích sử dụng là 84 m², bao gồm 01 phòng đọc và mượn là 60 m², kho sách 24m² [H8.08.01.02]. Cán bộ quản lý (thủ thư) của hai thư viện gồm 04 người, có trình độ đại học và cao đẳng ngành thư viện [H8.08.01.03].

Tổng số sách của hai thư viện là: 18.988 cuốn, báo và tạp chí là: 70 loại [H8.08.01.04]. Chương trình giáo dục của trường hiện nay gồm có 06 ngành [H8.08.01.05]. Mỗi chương trình giáo dục đều có yêu cầu về sách, tài liệu chính và sách, tài liệu, báo, tạp chí phục vụ cho nhu cầu tham khảo [H8.08.01.06]. Thư viện trường có đầy đủ sách cho học sinh - sinh viên học tập theo chương trình đào tạo và các loại sách, báo, tạp chí tham khảo trong quá trình học tập [H8.08.01.07]

Nhằm đáp ứng yêu cầu của người học, nhà trường đã ban hành các quy định, nội quy về thư viện nêu rõ trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ của thủ thư; các hướng dẫn để người học đến liên hệ và tra cứu tài liệu [H8.08.01.08]. Nhà trường cũng trang bị cho thư viện một phần mềm quản lý thư viện để quản lý sách, giáo trình, tài liệu, đồng thời giúp cho học sinh - sinh viên tìm kiếm thông tin được nhanh chóng trên máy vi tính [H8.08.01.09]. Ngoài ra căn cứ vào kế hoạch hàng năm, nhà trường luôn đầu tư kinh phí cho thư viện để trang bị máy móc, thiết bị, sách, báo, tạp chí phục vụ cho học sinh - sinh viên [H8.08.01.10].

Tuy nhiên, trong thời gian qua, nhà trường chưa lấy phiếu thăm dò bạn đọc để nắm bắt nhu cầu về sách tham khảo của người học.

2. Những điểm mạnh:

Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí phục vụ cho người học; có phòng đọc thoáng mát, trang thiết bị hiện đại; có quy định, nội quy cụ thể đối với thủ thư và bạn đọc.

Hàng năm thư viện được đầu tư kinh phí để trang bị máy móc, thiết bị, sách, báo, tạp chí đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, viên chức và học sinh - sinh viên.

3. Những tồn tại:

Nhà trường chưa lấy phiếu thăm dò để nắm bắt nhu cầu của học sinh - sinh viên về sách, tài liệu trong thư viện vì đang tập trung nguồn lực để xây dựng cơ sở mới tại Quận 9 trong đó có thư viện.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, nhà trường sẽ tiến hành lấy phiếu thăm dò đối với bạn đọc để làm cơ sở trang bị máy móc, thiết bị, sách, tài liệu cho thư viện mới tại Quận 9.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 8.2: Có đủ các phòng học và diện tích lớp học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình giáo dục.

1. Mô tả:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại hiện nay có 05 cơ sở đào tạo, trong đó 04 cơ sở đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: trụ sở chính tại 287 Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận; 269 Phan Xích Long, Phường 2, Q. Phú Nhuận; 81 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5; 106A Đại lộ III, Phường Phước Bình, Quận 9 và 01 cơ sở tại Cần Thơ. Trường có 05 giảng đường (diện tích từ 100 m² đến 300 m²) tổng diện tích là 1.219 m², 97 phòng học (diện tích từ 35 m² đến 80 m²) tổng diện tích là 13.631 m² [H8.08.02.01], số lượng học sinh - sinh viên trong toàn trường là 9.699 học sinh – sinh viên [H8.08.02.02], trung bình mỗi buổi học có khoảng 3.500 học sinh – sinh viên, được phân bổ hợp lý vào 05 giảng đường và 97 phòng học của trường [H8.08.02.03] nên đã phù hợp với công tác giảng dạy và học tập.

Trường có 06 phòng thực hành và 01 phòng thí nghiệm dành cho học sinh – sinh viên và giáo viên với tổng diện tích: 728 m² [H8.08.02.04], để phục vụ cho yêu cầu của chương trình giáo dục, trong đó có 01 phòng thí nghiệm với diện tích 81 m² được trang bị các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm phục vụ cho chuyên ngành Nghiệp vụ Kinh doanh Xăng dầu và môn Thương phẩm học [H8.08.02.05], 02 phòng thực hành chế biến sản phẩm ăn uống với diện tích 97 m² được trang bị các thiết bị, dụng cụ để thực hành chế biến sản phẩm ăn uống

phục vụ cho chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Nhà hàng Khách sạn bậc Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp [H8.08.02.06], 06 phòng thực hành máy tính với 596 máy vi tính được nối mạng để phục vụ cho học sinh - sinh viên [H8.08.02.07]. Tại các phòng thực hành, thí nghiệm đều có đầy đủ nội qui, qui chế hướng dẫn khai thác và sử dụng [H8.08.02.08].

Tuy nhiên, trang thiết bị của phòng thí nghiệm như hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu so với tốc độ phát triển của khoa học công nghệ.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường có đủ phòng học và giảng đường, đảm bảo đủ diện tích lớp học để phục vụ công tác giảng dạy và học tập của học sinh – sinh viên và giảng viên, đủ số lượng phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu của chương trình giáo dục.

3. Những tồn tại:

Do điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí của trường còn hạn chế nên phòng thí nghiệm chưa bổ sung kịp thời những trang thiết bị mới phù hợp với yêu cầu phát triển của khoa học công nghệ.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Nhà trường tiến hành bổ sung các trang thiết bị cho phòng thực hành thí nghiệm như: tỷ trọng kế, máy đo quả dọi, máy đo độ nhớt để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế kỹ thuật hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 8.3: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả:

Tổng số phòng làm việc ở các cơ sở của Trường là 71 phòng, được bố trí đủ cho cán bộ lãnh đạo của các bộ phận, giảng viên và nhân viên cơ hữu [H8.08.03.01], trong đó 03 phòng được bố trí cho Ban Giám Hiệu [H8.08.03.02]; 09 phòng được bố trí cho Trưởng phó các phòng: Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Đầu tư và Xây dựng, Phòng Công tác chính trị, Phòng Quản lý thiết bị, Phòng Quản lý Khoa

học và Hợp tác quốc tế [H8.08.03.03]; 04 phòng được bố trí cho lãnh đạo các khoa: Khoa Thương mại Quốc tế, Khoa Quản trị Kinh doanh, Khoa Tài chính Kế toán, Khoa Tài chức [H8.08.03.03]; 04 phòng được bố trí cho lãnh đạo các trung tâm: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ học sinh – sinh viên, Trung tâm Thông tin và Kiểm định chất lượng, Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Đầu tư và Thương mại, Trung tâm ngoại ngữ - tin học kinh tế đối ngoại [H8.08.03.04]; 03 phòng được bố trí cho các bộ môn: Bộ môn Ngoại ngữ, Bộ môn Lý luận chính trị, Bộ môn Khoa học Cơ bản [H8.08.03.05]. Tại các cơ sở của Trường đều được bố trí phòng nghỉ giải lao cho giảng viên [H8.08.03.06]; 01 phòng được bố trí cho Đoàn thanh niên [H8.08.03.07]; 15 phòng làm việc được bố trí đủ cho nhân viên cơ hữu của tất cả các Phòng, Khoa [H8.08.03.08]. Tại cơ sở Cần thơ có 07 phòng làm việc, trong đó 02 phòng được bố trí cho Ban Giám Đốc, 01 phòng Giáo viên, 01 phòng khối Đào tạo, 01 phòng khối Nội chính, 01 phòng Văn thư, 01 phòng Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh [H8.08.03.09].

Phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu của trường được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết để phục vụ cho công việc như: đèn chiếu sáng, máy lạnh, máy in, máy vi tính, máy photocopy, điện thoại, bàn làm việc, ghế, tủ hồ sơ... [H8.08.03.10]. Diện tích làm việc cho mỗi cán bộ, nhân viên cơ hữu từ 8 m² đến 10 m² [H8.08.03.11] đúng theo qui định tại mục 2 điều 17 Điều lệ Trường Cao đẳng .

Tuy nhiên, việc phỏng vấn cán bộ về đánh giá chất lượng phòng làm việc chưa được thực hiện thường xuyên bằng phiếu thăm dò ý kiến.

2. Những điểm mạnh:

Trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo đúng qui định của Điều lệ trường cao đẳng.

3. Những tồn tại:

Do nhân lực của trường còn hạn chế nên chưa thực hiện thường xuyên việc lấy phiếu thăm dò ý kiến cán bộ, giảng viên và nhân viên về chất lượng phòng làm việc.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012 - 2013 Trường sẽ có kế hoạch phỏng vấn cán bộ, giảng viên và nhân viên về việc đánh giá chất lượng phòng làm việc bằng phiếu thăm dò ý kiến để nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 8.4: Có phòng máy tính được nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập của người học; có biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin.

1. Mô tả:

Nhà trường có 06 phòng máy tính với tổng số máy là 596 máy [H8.08.04.01]. Các phòng máy tính đều được kết nối mạng internet bằng đường truyền cáp quang [H8.08.04.02]; kết nối mạng nội bộ (mạng Lan) [H8.08.04.03], nhằm đáp ứng nhu cầu công tác quản lý và học tập trong nhà trường. Giảng viên và người học đều tuân thủ nội quy về sử dụng máy tính tại phòng thực hành máy tính [H8.08.04.04].

Trong thời gian qua, Trường thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ cho người học tiếp cận với công nghệ thông tin như dạy thực hành kế toán bằng phần mềm APV [H8.08.04.05]; xếp lịch thực hành ngay sau buổi học lý thuyết để củng cố kiến thức vừa tiếp thu được [H8.08.04.06].

Ngoài ra, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý điều hành của các phòng, khoa, bộ môn, Nhà trường đã trang bị đầy đủ máy vi tính, có kết nối mạng nội bộ (mạng Lan) và mạng internet với tổng số máy vi tính là 81 máy [H8.08.04.07].

Nhìn chung, trong giai đoạn hiện nay Trường chưa có nhiều phần mềm để hỗ trợ người học nhằm nhanh chóng tiếp cận với công nghệ thông tin.

2. Những điểm mạnh:

Trường có phòng máy tính kết nối mạng internet; có kết nối mạng Lan để đáp ứng tốt nhu cầu học tập của người học và công tác quản lý của trường.

Trường có biện pháp hỗ trợ cho người học bằng việc dạy thực hành kế toán trên phần mềm APV và xếp lịch thực hành hợp lý, điều này đã kích thích người học tích cực hơn trong học tập.

3. Những tồn tại:

Do trường đang nghiên cứu lựa chọn phần mềm cho phù hợp với chương trình đào tạo nên chưa trang bị kịp thời các phần mềm cho người học.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, sẽ đầu tư trang bị phần mềm để phục vụ cho nhu cầu học tập của người học phù hợp với các chuyên ngành đào tạo như phần mềm học tiếng Anh...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 8.5: Có ký túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú và có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định.

1. Mô tả:

Trường có ký túc xá với diện tích 860 m², gồm 20 phòng với 100 chỗ ở phục vụ cho học sinh - sinh viên có nhu cầu nội trú tại cơ sở Cần Thơ [H8.08.05.01]. Diện tích trung bình mỗi phòng là 43 m² với sức chứa 05 học sinh - sinh viên, trung bình mỗi học sinh - sinh viên có diện tích chỗ ở và sinh hoạt là 8 m², trong đó được trang bị đầy đủ giường, bàn học, đèn chiếu sáng, phòng vệ sinh...[H8.08.05.02]. Ký túc xá của trường có nội qui, qui chế để đảm bảo an toàn cho học tập và sinh hoạt của học sinh - sinh viên [H8.08.05.03]. Trường có phân công cán bộ để quản lý các hoạt động của ký túc xá [H8.08.05.04].

Khuôn viên ký túc xá có 01 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt thể dục - thể thao cho học sinh - sinh viên ở ký túc xá [H8.08.05.05]. Tại sảnh sinh hoạt chung còn có 01 tivi 32 inch và 01 bộ karaoke phục vụ cho nhu cầu giải trí của học sinh - sinh viên [H8.08.05.06]. Bên cạnh đó Nhà trường có 01 bếp ăn tập thể với diện tích 42 m², có đầy đủ dụng cụ nấu ăn, bàn ăn, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt... đủ khả năng phục vụ nhu cầu ăn uống cho học sinh - sinh viên ở ký túc xá [H8.08.05.07].

Tuy nhiên, các Cơ sở tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh hiện chưa có ký túc xá cho học sinh – sinh viên có nhu cầu nội trú.

2. Những điểm mạnh:

Trường có ký túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho học sinh - sinh viên nội trú, có các thiết bị cần thiết để sinh hoạt như bàn ghế, giường, đèn chiếu sáng, phòng vệ sinh, sân thể thao, tivi, bộ karaoke, bếp ăn tập thể phục vụ cho học sinh - sinh viên, có nội qui qui chế và có phân công cán bộ để quản lý ký túc xá.

3. Những tồn tại:

Do cơ sở vật chất của Trường còn hạn chế nên các cơ sở đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa có ký túc xá.

4. Kế hoạch hành động:

Trong giai đoạn 2010 – 2015 Nhà trường sẽ xây dựng khu ký túc xá tại cơ sở 106A Đại lộ 3, Phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 8.6: Trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, đảm bảo diện tích khu thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả:

Nhà trường có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao. Tại các cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh và cơ sở Cần Thơ đều có các giảng đường lớn có trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng để phục vụ cho hoạt động văn hóa nghệ thuật cho học sinh - sinh viên [H8.08.06.01]. Các trang thiết bị phục vụ cho văn hóa, nghệ thuật gồm 02 bộ karaoke, 01 tivi 32 inch, 01 tivi 52 in [H8.08.06.02]. Trường có 03 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông, 02 bàn bóng bàn để phục vụ hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh - sinh viên và cán bộ - viên chức [H8.08.06.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn ký hợp đồng với Nhà thi đấu Phú Thọ để tổ chức các hoạt động thể thao lớn cho học sinh - sinh viên và cán bộ - viên chức [H8.08.06.04].

Nhà trường có diện tích khu thể dục thể thao theo qui định để đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể lực của học sinh - sinh viên [H8.08.06.03].

Tuy nhiên, các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật còn lạc hậu.

2. Những điểm mạnh:

Trường có các giảng đường lớn, có thiết bị âm thanh, ánh sáng để phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, có khu thể thao dành cho học sinh - sinh viên như sân bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn.

3. Những tồn tại:

Do các trang thiết bị phục vụ cho văn hóa, nghệ thuật được trang bị trước năm 2000 nên đã bị lạc hậu so với hiện nay.

4. Kế hoạch hành động:

Trong giai đoạn 2010 - 2015 Nhà trường sẽ tiến hành thay thế các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật đã bị lạc hậu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 8.7: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường

1. Mô tả:

Nhà trường có qui hoạch tổng thể về việc sử dụng cơ sở vật chất của trường, cụ thể tại cơ sở 287 Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh có 49 phòng với diện tích 2.117 m², cơ sở 81 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có 50 phòng với diện tích 3.180m², cơ sở 106A Đại lộ III, Phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có: 31 phòng với diện tích 3235m², cơ sở 08 đường Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ có 22 phòng với 3.055m², tất cả những phòng tại các cơ sở đào tạo đều đã được qui hoạch nơi làm việc và giảng dạy cho các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm [H8.08.07.01]. Tại từng cơ sở Nhà trường đều bố trí đầy đủ trang thiết bị để phục vụ công tác quản lý đào tạo [H8.08.07.02].

Nhà trường đã xây dựng “Đề án qui hoạch phát triển Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại giai đoạn 2010 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2025” [H8.08.07.03]. Đề án này đến năm 2015 Cơ sở quận 9 sẽ được xây dựng mới bao gồm khu làm việc: Ban Giám Hiệu, Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm, Thư viện, hội trường, phòng học máy tính và 02 khối nhà phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập [H8.08.07.04]. Hàng năm, Trường có kế hoạch sửa

chữa, nâng cấp các phòng học, phòng làm việc [H8.08.07.05].

Tuy nhiên, việc thực hiện phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên và người học chủ yếu qua trao đổi mà chưa tiến hành lập phiếu khảo sát về việc sử dụng, phát triển cơ sở vật chất của Trường.

2. Những điểm mạnh:

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ tốt công tác giảng dạy, học tập và làm việc. Trường có qui hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất của Trường đến năm 2015 sẽ có cơ sở mới tại Quận 9 để mở rộng qui mô đào tạo.

3. Những tồn tại:

Do chưa có cán bộ chuyên trách để thực hiện phiếu khảo sát về việc sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013 Trường sẽ phân công cán bộ chuyên trách thực hiện phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên và người học về việc sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí 8.8: Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả:

Nhà trường có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học dưới sự quản lý chặt chẽ của tổ bảo vệ ở từng cơ sở đào tạo (mỗi cơ sở 03 người), thường xuyên tuần tra, canh gác theo quy định và thay phiên nhau trực 24/24 [H8.08.08.01]. Đồng thời, mọi người ra vào cơ sở đều phải tuân thủ các quy định trong nội qui nhà trường [H8.08.08.02].

Thực hiện Luật Dân quân tự vệ, nhà trường đã được thành lập Đội dân quân tự vệ gồm 59 cán bộ chiến sĩ [H8.08.08.03], đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và sự chỉ huy trực tiếp của một Phó Hiệu trưởng. Đây là lực lượng trẻ, cơ động có vai trò chính trong các hoạt động giữ gìn trật tự, an toàn, an ninh trong

nhà trường; đồng thời phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự địa phương giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ sở trú đóng và được huấn luyện hằng năm theo đúng chương trình quy định [H8.08.08.04].

Đội phòng cháy chữa cháy của trường được thành lập theo Luật Phòng cháy chữa cháy ở mỗi cơ sở đào tạo và được tổ chức luyện tập theo qui định [H8.08.08.05]. Trường trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại chỗ như: bình chữa cháy (dạng bột và CO₂), thang sắt [H8.08.08.06] và ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy để mọi người nghiêm túc thực hiện [H8.08.08.07].

Tuy nhiên, việc tổ chức tập luyện về nghiệp vụ cho đội phòng cháy chữa cháy chưa được thường xuyên.

2. Những điểm mạnh:

Trường có tổ bảo vệ, đội dân quân tự vệ, đội Phòng cháy chữa cháy, có phương án và thiết bị phòng cháy chữa cháy được trường trang bị đầy đủ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

3. Những tồn tại:

Do các thành viên của đội phòng cháy chữa cháy đều là kiêm nhiệm, luôn bận nhiều công tác chuyên môn, nên việc tập trung để tổ chức tập luyện về nghiệp vụ khó thực hiện thường xuyên được.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013 Trường sẽ xây dựng kế hoạch định kỳ tập luyện nghiệp vụ cho đội phòng cháy chữa cháy để nhằm đảm bảo khả năng xử lý tình huống trong công tác phòng cháy chữa cháy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về tiêu chuẩn 8:

Trường luôn đảm bảo các điều kiện về Thư viện để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh - sinh viên. Mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của năm sau luôn nhiều và cao hơn năm trước. Về cơ bản

nhà trường có đủ phòng học, phòng thực hành với đầy đủ máy tính và các trang thiết bị đảm bảo triển khai tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Hiện nay, trường đang xây dựng lại cơ sở đào tạo tại Quận 9 để đảm bảo có đầy đủ phòng học, phòng thực hành, sân bãi cho hoạt động thể dục thể thao và văn hóa văn nghệ, phần đầu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt của học sinh - sinh viên.

Tiêu chuẩn 9: Tài chính và Quản lý tài chính

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu hoạt động trong lĩnh vực đào tạo - giáo dục. Nguồn tài chính của Trường gồm 2 nguồn: Ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu ngân sách khác. Nguồn ngân sách được Bộ Công thương cấp ổn định hàng năm - chiếm khoảng 25%; còn lại nguồn thu ngân sách khác khoảng 75% từ các hoạt động liên kết giảng dạy, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với lĩnh vực đào tạo chuyên môn của mình. Nguồn kinh phí của Trường được sử dụng đúng theo qui định của Nhà nước và qui chế chi tiêu nội bộ. Ngoài ra hàng năm, Trường còn trích ra một phần kinh phí khuyến khích cán bộ - viên chức học tập nâng cao trình độ giảng dạy và phục vụ, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên), tổ chức cho cán bộ - viên chức khám sức khỏe định kỳ và tổ chức cho đi tham quan nghỉ dưỡng. Các chính sách tài chính của trường được phổ biến rộng rãi cho cán bộ - viên chức tham gia đóng góp ý kiến và nhất trí thông qua. Trường không ngừng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cấp thư viện, phòng máy tính phục vụ học sinh - sinh viên một cách hiệu quả, thu hút lượng học sinh - sinh viên học tập ngày càng đông.

Tiêu chí 9.1: Có quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện quản lý tài chính theo qui định về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

1. Mô tả:

Trường hoạt động theo đúng các điều lệ, qui định về quản lý tài chính dành cho Trường Cao đẳng [H9.09.01.01]. Toàn bộ các hoạt động thu - chi của

Trường được nêu rõ trong qui chế chi tiêu nội bộ đã được thông qua trong Đại hội cán bộ - viên chức hàng năm [H9.09.01.02]. Cơ chế thu chi được thực hiện theo Nghị định 43/2006 NĐCP ngày 25/04/2006 [H9.09.01.03] và Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 [H9.09.01.04], qui định rõ các nguồn thu của Trường phải được hạch toán đầy đủ và rõ ràng, cụ thể:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: được cấp ổn định hàng năm thông qua quyết định giao dự toán [H9.09.01.05]

- Nguồn thu sự nghiệp khác gồm:

- + Thu từ học phí: gồm học phí hệ chính qui và hệ không chính qui thu theo pháp lệnh phí và lệ phí [H9.09.01.06], Thông tư liên tịch số 46/2001/TTLT/BTC-BGD&ĐT [H9.09.01.07], Quyết định 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/03/1998 [H9.09.01.08], được bổ sung hoàn toàn vào nguồn kinh phí.

- + Thu từ các hoạt động khác: hoạt động liên kết với Đại học Thương mại [H9.09.01.09]. Hoạt động giảng dạy các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho các địa phương, doanh nghiệp theo yêu cầu [H9.09.01.10]. Các khoản thu trên sau khi trừ chi phí và nộp thuế đều được nhập vào kinh phí theo đúng qui định.

Trong Đại hội Cán bộ - viên chức hằng năm, Ban Giám Hiệu Nhà trường đều có báo cáo công khai tài chính [H9.09.01.11], nêu rõ các nguồn tài chính, sử dụng và thanh toán kinh phí của Trường thông qua Báo cáo quyết toán được Bộ Công Thương duyệt [H9.09.01.12], [H9.09.01.13], nêu rõ việc trích lập các quỹ, phương án sử dụng các quỹ (quỹ Phúc lợi, quỹ Khen thưởng) [H9.09.01.14] và được cụ thể trong Qui chế chi tiêu nội bộ.

Ban Giám Hiệu Nhà trường đưa ra những biện pháp, phương án để cải tiến việc sử dụng ngân sách hiệu quả hơn, đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động của trường.

Để đảm bảo hoạt động tốt, liên tục và có uy tín trong lĩnh vực đào tạo – giáo dục, Trường luôn cố gắng tìm các nguồn tài chính ổn định thông qua các hoạt động liên kết, bồi dưỡng, tư vấn, tạo nguồn thu dồi dào đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, cũng như tăng thu nhập cho cán bộ - viên chức, cụ thể hàng

năm thông qua Đại hội Cán bộ - viên chức, Qui chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình quản lý tài chính [H9.09.01.15].

Tuy nhiên, Trường chưa khai thác hết các nguồn thu từ hoạt động liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, các địa phương.

2. Những điểm mạnh:

Công tác quản lý tài chính của trường luôn thực hiện đúng qui định của Nhà nước nên trong các đợt thanh tra kiểm toán của cơ quan quản lý cấp trên đều đạt kết quả tốt. Các nguồn tài chính của Trường được khai thác hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, được quản lý và hạch toán đúng theo qui định của Nhà nước. Trường tận dụng ưu thế chuyên môn của mình mở các lớp Bồi dưỡng ngắn hạn, các lớp liên kết để tăng nguồn thu duy trì nguồn kinh phí bổ sung đủ bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

3. Những tồn tại:

Do chưa tận dụng hết ưu thế của Trường để nhằm khai thác thêm các nguồn thu từ các hoạt động liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, các địa phương.

4. Kế hoạch hành động: Trong năm học 2012 - 2013 nhà trường sẽ đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của trường và mở rộng nhiều hơn nữa hoạt động liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, các địa phương .

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 9.2: Có các nguồn tài chính ổn định, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp pháp khác của trường.

1. Mô tả:

Nguồn thu của trường được theo dõi chi tiết theo từng hoạt động, việc phân bổ, sử dụng nguồn thu được Bộ Công Thương phê duyệt [H9.09.02.01]. Nhà trường luôn có kế hoạch khai thác các nguồn tài chính, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của trường và tái đầu tư phát triển; đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập cho Cán bộ - viên chức, tăng cường chi cho các hoạt động

nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển [H9.09.02.02].

Việc phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính đã duy trì được hoạt động và tái đầu tư phát triển về con người cũng như một phần về cơ sở vật chất của nhà trường. Hằng năm, trong dự toán kinh phí đã được duyệt, nhà trường đều bố trí và tăng dần nội dung chi các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo trình, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đồng thời, nhà trường cũng chú trọng đầu tư xây dựng sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ công tác giảng dạy, học tập [H9.09.02.03], các khoản thu nhập và phúc lợi của Cán bộ viên chức đều được đảm bảo. Tính hiệu quả trong khai thác các nguồn tài chính thể hiện qua những thành tích cụ thể trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, các phong trào, hội thi, và hoạt động của các đoàn thể [H9.09.02.04].

Tuy nhiên, nguồn thu còn ít so với nhu cầu chi tiêu của Trường, vì thế một số hoạt động phong trào còn bị hạn chế do thiếu kinh phí.

2. Những điểm mạnh:

Các nguồn tài chính của trường ổn định, được khai thác một cách hợp pháp, sử dụng đúng mục đích đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ và cải thiện đời sống vật chất cho cán bộ - viên chức.

3. Những tồn tại:

Do chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có của trường, nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nên nguồn thu còn ít so với nhu cầu chi tiêu của Trường, vì thế một số hoạt động phong trào còn bị hạn chế do thiếu kinh phí.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 – 2013, Trường sẽ xây dựng kế hoạch mở rộng quy mô, loại hình đào tạo một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mới, và mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học để từ đó tạo ra nguồn thu nhiều hơn, giảm các khoản chi không cần thiết, tăng cường các hoạt động dịch vụ có thu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 9.3: Thực hiện công khai tài chính để giảng viên, cán bộ, công nhân viên chức biết và tham gia kiểm tra, giám sát.

1. Mô tả:

Các khoản thu, chi của nhà trường đều căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định của nhà nước [H9.09.03.01]. Quy chế chi tiêu nội bộ sau khi được đóng góp ý kiến trong Hội nghị Cán bộ - viên chức sẽ được thực hiện công khai trong nhà Trường để Cán bộ, viên chức kiểm tra, giám sát [H9.09.03.02].

Việc mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị, văn phòng phẩm, thanh toán công tác phí và các khoản thanh toán khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường đều được thực hiện theo đúng pháp luật [H9.09.03.03]. Nhiều năm qua, trong nhà trường không xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí về tài chính của người lao động [H9.09.03.04].

Công tác tài chính, kế toán của Trường được tin học hóa, với sự hỗ trợ đặc lực của các phần mềm kế toán Misa, nên giúp cho nhà trường quản lý tốt hơn công tác tài chính [H9.09.03.05].

Định kỳ nhà Trường được kiểm toán Nhà nước kiểm tra các hoạt động và được đánh giá tốt về công tác quản lý tài chính [H9.09.03.06].

Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch tài chính chưa có sự gắn kết với kế hoạch phát triển chung của nhà trường.

2. Những điểm mạnh:

Công tác quản lý tài chính của trường được thực hiện công khai, minh bạch và tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước.

3. Những tồn tại:

Do các bộ phận liên quan trong nhà trường chưa phối hợp thực hiện kịp thời trong việc xây dựng kế hoạch tài chính. Vì vậy, kế hoạch tài chính chưa có sự gắn kết với kế hoạch phát triển chung của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, Trường sẽ quán triệt đầy đủ, và cụ thể về công tác lập kế hoạch tài chính để các bộ phận có liên quan tham gia xây dựng kịp thời nhằm đảm bảo kế hoạch tài chính mang tính khoa học gắn kết với toàn bộ kế hoạch phát triển chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Trường là đơn vị tự chủ về tài chính, luôn tuân thủ các chế độ quản lý hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, đã có nhiều giải pháp tích cực để công tác quản lý tài chính của trường được chuẩn hóa, đảm bảo đáp ứng được việc thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản trong kế hoạch hoạt động chung của nhà trường trên mọi lĩnh vực. Nguồn thu của nhà trường được quản lý tập trung. Công tác quản lý tài chính luôn được thực hiện công khai và minh bạch.

Tiêu chuẩn 10: *Quan hệ giữa nhà trường và xã hội*

Mở đầu

Trường luôn thiết lập mối quan hệ mật thiết với các cơ quan chính quyền, đoàn thể trên địa bàn có cơ sở của trường trú đóng, nhằm phối hợp giải quyết tốt những công việc phát sinh có liên quan đến địa phương như vấn đề môi trường, an ninh, trật tự, Đặc biệt, nhà trường đã phối hợp thực hiện tốt các phong trào của các tổ chức đoàn thể tại địa phương như phong trào văn hóa, văn nghệ, phong trào đền ơn đáp nghĩa; hoạt động xã hội, từ thiện; phong trào hiến máu nhân đạo,...

Tiêu chí 10.1: Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đại chúng ở địa phương.

1. Mô tả:

Trường luôn thiết lập mối quan hệ với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao với sự tham gia nhiệt tình và tích cực của Cán bộ, viên chức và học sinh - sinh viên thể hiện qua các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao do Thành Đoàn, Nhà văn hóa thành phố, Hội Sinh viên thành phố, Đoàn Khối Doanh nghiệp Thương mại, Đoàn Phường 15 - Quận Phú nhuận tổ chức như:

hoạt động văn nghệ mừng xuân [H10.10.01.01], hội thi an toàn giao thông [H10.10.01.02], giao lưu văn nghệ và tặng quà cho các trẻ em nghèo ở huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre [H10.10.01.03], hội thao chào mừng kỷ niệm ngày Thể thao Việt nam (27/3) [H10.10.01.04], giao lưu văn nghệ và tặng quà với Sư đoàn 5 – Tây ninh [H10.10.01.05].

Đồng thời, giữa trường và các tổ chức thông tin đại chúng cũng thiết lập được mối quan hệ gắn kết chặt chẽ như: các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường của Đài truyền hình Bình Dương [H10.10.01.06], hoạt động hiến máu nhân đạo, và các hoạt động xã hội khác [H10.10.01.07].

Tuy nhiên, sự hỗ trợ của các cơ sở thể dục thể thao ở địa phương về chuyên môn và vật chất đối với hoạt động này còn hạn chế.

2. Những điểm mạnh:

Trường đã thiết lập được mối quan hệ với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật và các tổ chức thông tin đại chúng nên tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển, tạo sân chơi giao lưu lành mạnh cho Cán bộ, viên chức và học sinh - sinh viên, đồng thời qua đó quảng bá hình ảnh của nhà trường đến công chúng.

3. Những tồn tại:

Do Trường chưa chủ động trong việc phối hợp với các cơ sở thể dục thể thao ở địa phương để được sự hỗ trợ thêm về chuyên môn và vật chất đối với hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, Trường sẽ chủ động xây dựng kế hoạch trong việc phối hợp giữa nhà trường với tổ chức thể dục thể thao ở địa phương để có được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và vật chất cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 10.2: Thiết lập được các mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hoá - xã hội.

1. Mô tả:

Trường luôn thiết lập các mối quan hệ với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương nơi có cơ sở của Trường trú đóng. Những hoạt động của nhà trường như: lễ khai giảng năm học, lễ tổng kết năm học, đại hội,...đều được Ủy ban nhân dân phường quan tâm đến dự, và trong các đợt tuyển sinh đều có an ninh Quận đến hỗ trợ công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn cho kỳ thi tuyển sinh [H10.10.02.01].

Đối với những hoạt động phong trào của địa phương như: biểu diễn văn nghệ, chiến dịch Mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, công tác từ thiện, giúp hộ nghèo, chính sách, công tác bảo vệ môi trường, phòng chống HIV, bảo vệ sức khỏe người dân, phòng chống các loại dịch, phòng chống tội phạm, đều được Trường tham gia tích cực [H10.10.02.02].

Đồng thời, Trường cũng tích cực tham gia các hoạt động như: hiến máu nhân đạo, đóng góp quỹ người nghèo, quỹ tình thương, xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... [H10.10.02.03]

Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường cũng tích cực tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do các cơ quan, đoàn thể các cấp ở địa phương tổ chức [H10.10.02.04].

Tuy nhiên, có một số hoạt động phong trào của địa phương nhà trường chưa phối hợp để cùng tham gia được.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường đã thiết lập các mối quan hệ với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hoá - xã hội, tạo ra mối quan hệ khăng khít giữa cán bộ, viên chức và học sinh – sinh viên nhà trường với các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong các hoạt động phong trào.

3. Những tồn tại:

Do hoạt động giảng dạy và học tập chiếm nhiều thời gian và kinh phí có hạn nên một số hoạt động phong trào của địa phương nhà trường chưa phối hợp cùng tham gia.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012 - 2013, Trường sẽ xây dựng kế hoạch, và chủ động tham gia các phong trào của các cơ quan đoàn thể ở địa phương nhằm tạo ra mối quan hệ mật thiết thúc đẩy các hoạt động văn hoá - xã hội ngày càng phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Nhà trường đã phối hợp với chính quyền và các cơ quan đoàn thể các cấp, thông tin đại chúng ở địa phương trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục thể thao và các phong trào đền ơn đáp nghĩa, hiến máu nhân đạo. Đồng thời, nhà trường cũng đã giữ vững mối quan hệ với các cơ quan đơn vị để có thể phối hợp thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, gắn việc giảng dạy của nhà trường với hoạt động thực tiễn của các cơ quan đơn vị và doanh nghiệp. Đây cũng là cơ sở để nhà trường phân đấu thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; đảm bảo nội dung chương trình đào tạo của nhà trường ngày càng sát với thực tế hơn, giúp cho Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo.

IV. KẾT LUẬN

Thực hiện đúng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại đã tiến hành triển khai, thực hiện công tác tự đánh giá để nhằm đánh giá lại các hoạt động của trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2007 tại Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian từ năm học 2008 - 2009 đến năm học 2011 - 2012. Quá trình thực hiện công tác Tự đánh giá của trường về cơ bản đã hoàn thành và đã có những tác động tích cực đến các hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập trong toàn trường; từ đó đã góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả tự đánh giá của trường đã đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chí là 55/55 tiêu chí. Qua kết quả tự đánh giá này, Trường sẽ phát huy cao hơn nữa những mặt mạnh, và

khắc phục những tồn tại trong năm học 2012 - 2013. Đồng thời, trên cơ sở đó, Trường sẽ có kế hoạch từ nay đến năm 2020 thực hiện nghiêm túc các kế hoạch hành động của từng tiêu chí đề ra.

Hội đồng Tự đánh giá của Trường đã thống nhất đánh giá là trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG